

TP. HCM, ngày 07 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước/ State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Vietnam Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh /Hochiminh Stock Exchange

I. Tên tổ chức/Name of organization:

Công Ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại SMC/ SMC Investment Trading Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Stock code: **SMC**
- Địa chỉ/Address: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
- Điện thoại/Tel : (08) 3899 2299 Fax: (08) 3898 0909
- Email: smc@smc.vn

II. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Báo cáo thường niên năm 2023

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 07/04/2023 tại đường dẫn: <https://smc.vn>

/This information was published on the company's website on 07/04/2023 (date), as in the link: <https://smc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Organization representative
Người được ủy quyền CBTT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
SMC
Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC Ý NHI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

📍 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

☎ (84-8) 3899 2299 - (84-8) 3898 0909

🌐 www.smc.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



2022
**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



CÁC TỪ VIẾT TẮT

SMC	: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	LĐT	: Lao động Trực tiếp
CTCP	: Công ty cổ phần	PTGD	: Phó Tổng Giám Đốc
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn	TMCP	: Thương mại cổ phần
MTV	: Một thành viên	VPĐD	: Văn phòng đại diện
LNST	: Lợi nhuận sau thuế	BKS	: Ban kiểm soát
KCN	: Khu công nghiệp	BRVT	: Bà Rịa Vũng Tàu
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông	TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
SXKD	: Sản xuất kinh doanh	CP	: Cổ phiếu
HDQT	: Hội đồng quản trị	KTT	: Kế toán trưởng
TGD	: Tổng Giám Đốc	CTTV	: Công ty Thành viên
CT.HĐQT	: Chủ tịch hội đồng quản trị	TH/KH	: Thực hiện/Kế hoạch
QTKD	: Quản trị kinh doanh	CBNV	: Cán bộ công nhân viên
BCTC	: Báo cáo tài chính	KQKD	: Kết quả kinh doanh
SGDCK	: Sở Giao dịch chứng khoán	BCKT	: Báo cáo kiểm toán
CBTT	: Công bố thông tin	VLXD	: Vật liệu xây dựng
MISTS	: Marubeni Itochu Sumisho Techno Steel INC	ĐDPL	: Đại diện pháp luật
NKG	: CTCP Thép Nam Kim	MISP	: Marubeni Itochu Steel PTE. Ltd
		CBQL	: Cán bộ Quản lý
		LĐGT	: Lao động Gián tiếp

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TÂM NHÌN - TRIẾT LÝ KINH DOANH - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	
1. Giới thiệu	09
2. Sản phẩm và dịch vụ cung cấp	10
3. Hệ thống nhà máy và Công ty con - Công ty Liên Doanh Liên Kết	12
4. Lịch sử phát triển và sự kiện nổi bật năm 2022	14
5. Sơ đồ tổ chức kinh doanh năm 2022	16
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	20
2. Hoạt động và Báo cáo của HĐQT	22
- Đánh giá chung về tình hình vĩ mô và thị trường năm 2022	22
- Đánh giá về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2022	23
- Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2022	25
- Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2023	27
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc	30
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	32
- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022	32
- Đánh giá tình hình tài chính trọng yếu năm 2022	33
- Kế hoạch hoạt động SXKD và mục tiêu phát triển năm 2023	38
BAN KIỂM SOÁT	
1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	42
2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	43
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	
1. Quản trị rủi ro	46
2. Tổ chức và nhân sự	48
3. Quan hệ cổ đông và Nhà đầu tư	54
4. Hoạt động cộng đồng	60
5. Phát triển bền vững	61
CÔNG TY THÀNH VIÊN	64
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2022	74

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông, Các nhà Đầu tư, Đối tác doanh nghiệp và các Đồng nghiệp;

Năm 2022 đã khép lại với rất nhiều khó khăn và thách thức cho các doanh nghiệp ngành thép nói chung và SMC nói riêng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Một bức tranh âm ảm từ các yếu tố địa chính trị, dịch bệnh, chiến tranh, bất ổn kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, chính sách tiền tệ tin dụng, cho đến các biến động tiêu cực của ngành thép cùng lúc gây ra áp lực lớn cho Doanh nghiệp. Kết thúc năm 2022, CTCP Đầu tư Thương mại SMC đã đạt doanh thu hơn 23.182 tỷ đồng nhưng LNST âm gần 652 tỷ đồng.

Bước sang năm 2023, SMC nhận định có thể phải đối mặt với các thử thách lớn rộng hơn và kéo dài hơn do các yếu tố bất định, khó lường và sự suy giảm chung của kinh tế toàn cầu cũng như trong nước. Chính trong bối cảnh này, các quyết sách chiến lược cần được phát huy để đảm bảo cho doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tiếp tục phát triển bền vững. Kiên định với các mục tiêu và giải pháp chiến lược, điều hành linh hoạt và phản ứng nhanh nhạy với các dự báo và biến động của tình hình vĩ mô và ngành là con đường để SMC nhất định vượt qua khó khăn và đi lên thành công. Chúng ta bước vào năm 2023 với tâm thế chủ động, kiên định mục tiêu "Ổn định - Vững chắc", luôn hướng về phía trước với nỗ lực cống hiến để "tạo ra giá trị đích thực" và "gia tăng giá trị bền vững" của Doanh nghiệp, trên cơ sở vận dụng linh hoạt các giải pháp hiệu quả trong từng thời điểm, cùng với sự gắn bó chung sức chung lòng của cả hệ thống SMC.

Năm 2023 đánh dấu "Kỷ niệm 35 năm ngày thành lập SMC", chúng tôi tin tưởng rằng với sự ủng hộ mạnh mẽ của các quý vị cổ đông, các đối tác, với đội ngũ lãnh đạo tâm huyết có nhiều năm kinh nghiệm và đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, với chiến lược đầu tư và định hướng đúng đắn, SMC sẽ vượt qua các khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo ra hiệu quả, lợi nhuận và bảo toàn vốn cho các cổ đông của chúng ta.

Thay mặt HĐQT, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của quý vị cổ đông, cảm ơn sự hợp tác và hỗ trợ tích cực của quý khách hàng, đối tác. Đặc biệt tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV trong hệ thống SMC, những người đã cùng chúng tôi chung sức chung lòng trên con đường xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

Trân trọng,
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC**



NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

TÂM NHÌN - TRIẾT LÝ KINH DOANH SỬ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tâm Nhìn

Nói đến Thép nghĩ đến SMC - Nói đến SMC nghĩ đến Thép
SMC - Doanh nghiệp Thép Uy Tín và Chuyên Nghiệp

SMC cam kết thực hiện tốt vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép; không ngừng hoàn thiện, đổi mới, và phát triển để chất lượng và dịch vụ ngày càng nâng cao, mang lại giá trị gia tăng và đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.



Triết Lý Kinh Doanh

Biết người biết ta
Tiên phong trong mọi hoạt động
Minh bạch, Uy tín, Chuyên nghiệp
Hài hòa lợi ích

Sử Mệnh

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của các đối tác, vì tương lai ổn định và phát triển bền vững cho ngành thép Việt Nam.

Giá Trị Cốt Lõi

Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động
Chuyên nghiệp
Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp
Tối đa hóa lợi ích khách hàng
Uy tín, Minh bạch, Hiệu quả
Hợp tác, Chia sẻ, Học Hỏi
Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP



1. THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Trading Investment Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC
Trụ sở chính	: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Điện thoại	: (84 - 028) 38 99 22 99 Fax: (84 - 028) 38 98 09 09
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 736.785.870.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC - niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HSX)
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Số cổ phiếu niêm yết	: 73.678.587 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	: 73.606.837 cổ phiếu

Lĩnh vực kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox; xây dựng, lắp đặt các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; sửa chữa nhà ở, trang trí nội ngoại thất; lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở; kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm.
- Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu; cho thuê xe có động cơ.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Bán buôn, chuyên doanh khác.

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực phân phối, gia công, sản xuất thép các loại, đồng thời ổn định và nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng cổ tức cho cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, và không ngừng phát triển Công ty theo định hướng phát triển bền vững.

2. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ

- Phân phối thép xây dựng các loại bao gồm thép cuộn kéo dãn, thép tròn trơn, thép gân; và các nguyên liệu sản xuất thép.
- Phân phối thép tấm lá các loại bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ điện, mạ màu, mạ hợp kim, thép không gỉ.
- Phân phối thép hình (H, I, U), thép lá, xà gỗ, thép cường độ cao, thép không theo quy chuẩn.
- Hệ thống Coil Center, có tổng công suất gia công lên đến 500.000 tấn/năm, với các nhà máy đặt tại BRVT, TP.HCM, Đà Nẵng, và Hà Nội được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc theo công nghệ Châu Âu, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công định hình, xả băng, cắt chặt tấm các loại thép tấm lá, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao.
- Hệ thống Cơ Khí Chính Xác, có tổng công suất giai đoạn 1 đạt 2.000.000 sản phẩm/năm, với nhà máy đặt tại KCN Phú Mỹ 2, tỉnh BRVT được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Hàn Quốc, chuyên cung cấp dịch vụ gia công chính xác, đột dập định hình, cung cấp sản phẩm chất lượng cao cho các nhà sản xuất điện gia dụng, điện tử, ô tô, xe máy...
- Hệ thống sản xuất thép cán nguội và thép lá mạ kẽm tại SMC Cơ Khí, có công suất thiết kế 350.000 tấn/năm, chuyên cung cấp các sản phẩm cho hệ thống Coil Center và các nhà máy sản xuất ống thép.
- Hệ thống sản xuất thép ống Việt Nhật Sendo có công suất 250.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống tròn, ống vuông, ống hộp, theo hai dòng sản phẩm ống đen và ống mạ kẽm.
- Hệ thống sản xuất lưới thép hàn Việt Nhật SMC Toami chuyên sản xuất lưới thép hàn với công nghệ và chất lượng cao.



Thép Tấm Cán Nóng



Hệ Thống Coil Center



Thép Lá Mạ Kẽm



Ống Thép



Cho Thuê Kho Bãi



Thép Cán Nguội



Thép Tròn Trơn



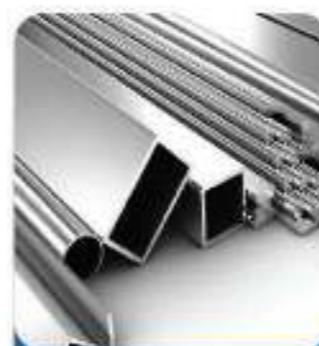
Xà Gỗ



Thép Gân



Lưới Thép Hàn



Thép Hộp



Thép Cuộn Cán Nóng



Thép Cuộn Kéo Dãn



Cơ Khí Chính Xác



Thép Mạ Kẽm



Hệ Thống Coil Center



3. HỆ THỐNG NHÀ MÁY VÀ CÁC CÔNG TY CON - CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3899 2299 - Fax: (028) 3898 0909

Website: www.smc.com.vn

04

CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

CÔNG TY TNHH SMC - SUMMIT (LIÊN DOANH SMC - MISTS - MISP)

KCN Phú Mỹ 1, Đường 1B, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (84-254) 3512 5010 - Fax: (84-254) 3512 1460

VP&D: Lầu 8, Tòa nhà EBM, 394 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3512 5010 - Fax: (028) 3512 1460

Vốn điều lệ: VNĐ 83.286.000.000 - Tỷ lệ sở hữu: 50%

CÔNG TY TNHH HANWA SMC STEEL SERVICES HÀ NỘI (LIÊN DOANH SMC - TẬP ĐOÀN HANWA)

Lô số 47, KCN Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: Điện thoại: (024) 3525 1522 - Fax: (024) 3525 1526

Vốn điều lệ: VNĐ 64.369.800.000 - Tỷ lệ sở hữu: 35%

CÔNG TY TNHH SMC - TOAMI

(LIÊN DOANH SMC - TẬP ĐOÀN TOAMI - TẬP ĐOÀN HANWA)

Đường 1A - KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (0254) 3924 410 - Fax: (0254) 3924 411

VP&D: 124 Ung Văn Khiêm, P.25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3512 5555 - Fax: (028) 3512 1515

Vốn điều lệ: VNĐ 65.217.375.000 - Tỷ lệ sở hữu: 25%

CÔNG TY TNHH VSSC STEEL CENTER

(LIÊN DOANH SMC - SAMSUNG C&T)

Đường N7 - KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (84-254) 3823 1135

Vốn điều lệ: VNĐ 225.750.000.000 - Tỷ lệ sở hữu: 15%

09 CÔNG TY THÀNH VIÊN

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC

Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0274) 3769 526 - Fax: (0274) 3783 839

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (84-254) 3922 866 - Fax: (84-254) 3922 469

Vốn điều lệ: 230.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (84-254) 3922 933 - Fax: (84-254) 3922 969

Vốn điều lệ: 180.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: Điện thoại: (028) 3754 7454 - Fax: (028) 3754 5666

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3737 345 - Fax: (0236) 3723 345

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ

Đường N7 - KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (84-254) 3933 595 - Fax (84-254) 3933 600

Vốn điều lệ: 220.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ

Đường N7 - KCN Phú Mỹ 2, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Điện thoại: (84-254) 3933 866 - Fax (84-254) 3933 869

Vốn điều lệ: 375.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ TỰ ĐỘNG SMC PHÚ MỸ

Đường số 9, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 100%

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO (LIÊN DOANH SMC - HANWA CO. LTD)

Đường 1A - KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ

Điện thoại: (84-254) 3922882 - Fax: (84-254) 3922881

Website: http://www.sendopipe.vn

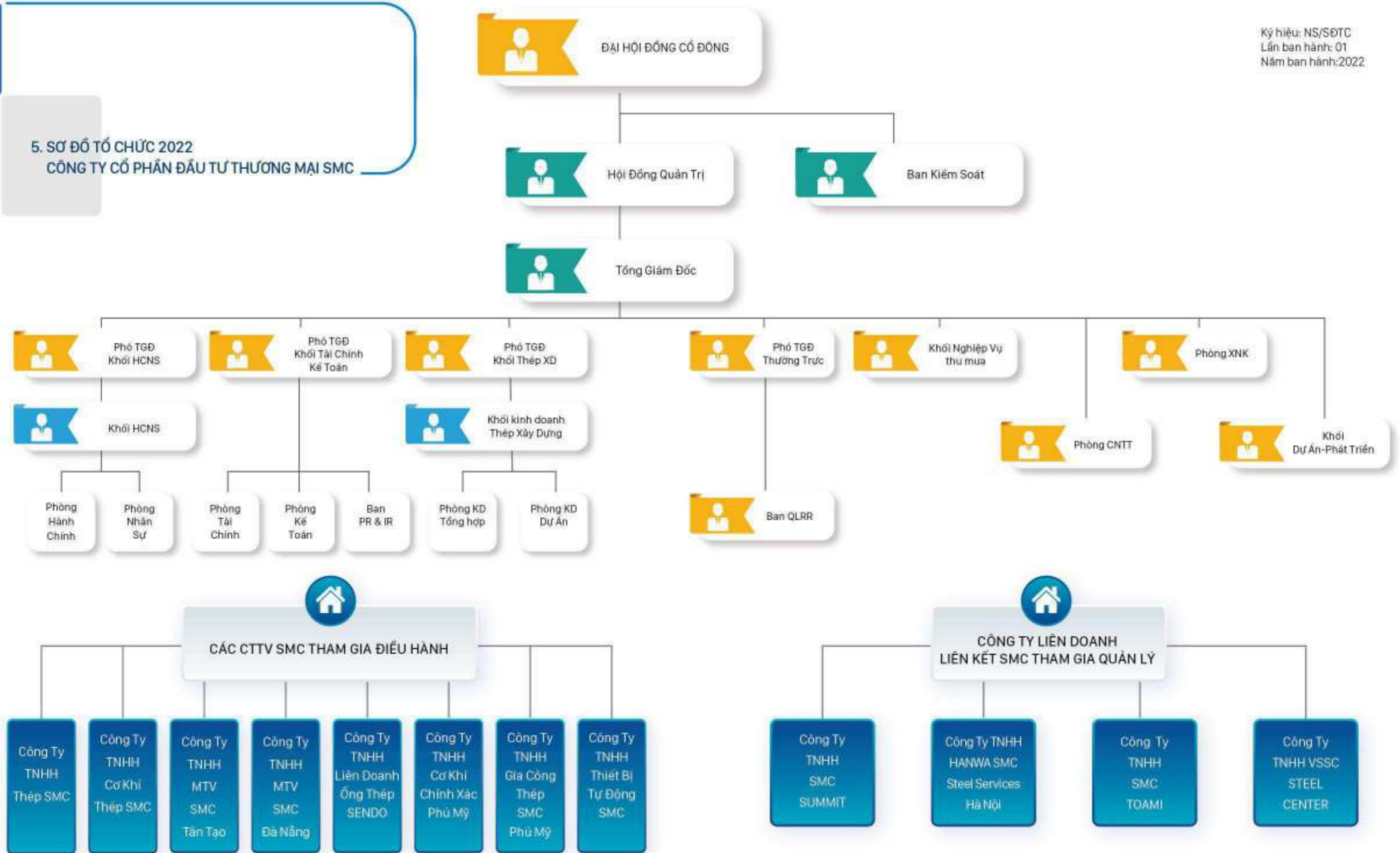
Vốn điều lệ: 176.201.485.313 VNĐ - Tỷ lệ sở hữu: 75%

4. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2022

Year	Key Event
1988	Thành lập Cửa hàng VLXD số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ VLXD Miền Nam.
1998	Ra mắt thương hiệu SMC, viết tắt cho "Steel Materials Company".
2004	Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành CTCP Đầu tư Thương mại SMC.
2006	Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC.
2007	Thành lập Coil Center đầu tiên - Công ty TNHH Thép SMC & Đón nhận huân chương lao động hạng 2.
2008	Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương (nay là Công ty TNHH MTV Thương mại SMC) và Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC.
2011	Thành lập Coil Center tại khu vực phía Bắc - CTCP SMC Hà Nội (nay là Liên doanh Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Services Hà Nội).
2012	Thành lập Công ty liên doanh SMC - Summit
2013	Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo & Đón nhận huân chương lao động Hạng 1.
2015	Thành lập Công ty liên doanh Ống thép Sendo.
2017	Vận hành nhà máy sản xuất thép lá cán nguội và thép lá mạ kẽm tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC.
2019	Vận hành giai đoạn 2 nhà máy sản xuất thép lá cán nguội và thép lá mạ kẽm Cơ Khí Thép SMC. Thành lập Liên Doanh Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Services Hà Nội giữa SMC và Tập đoàn Hanwa Nhật Bản.
2020	Vận hành nhà máy Gia công thép SMC Đà Nẵng.
2021	Thành lập Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ Thành lập Công ty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ Thành lập Liên Doanh Công ty TNHH VSSC Steel Center giữa SMC và Samsung C&T
2022	Khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động cụm nhà máy và văn phòng Dự án 9.7ha SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 2, BRVT. Doanh thu đạt 23.182 tỷ đồng. Thành lập Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động SMC Phú Mỹ

5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

Ký hiệu: NS/SĐTC
Lần ban hành: 01
Năm ban hành: 2022



2022
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1



Ms. Nguyễn Thị Ngọc Loan
Năm sinh: 1961

Chủ tịch HĐQT SMC
Cao đẳng Kinh tế
Chuyên ngành QTKD

2



Ms. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Năm sinh: 1983

Phó Chủ tịch HĐQT SMC
Phó TGĐ Khối TC Kế Toán SMC
Thạc sỹ Kinh tế
Chuyên ngành TC Ngân hàng

3



Mr. Kishimoto Hideki
Năm sinh: 1969

Thành viên HĐQT SMC
Giám đốc Điều hành
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam
Cử nhân

4



Mr. Nguyễn Hữu Kinh Luân
Năm sinh: 1982

Thành viên HĐQT SMC
Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC
Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép Sendo
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

5



Mr. Vũ Anh Nguyễn
Năm sinh: 1989

Thành viên HĐQT SMC
Tổng Giám Đốc Công ty
Nội thất và Trang trí Baya Việt Nam
Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh

HOẠT ĐỘNG VÀ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá chung về tình hình vĩ mô và thị trường năm 2022

Năm 2022 được kỳ vọng chứng kiến nền kinh tế thế giới phục hồi sau đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, trái với kỳ vọng, cả thế giới lại phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, biến động về kinh tế chính trị diễn ra khó lường với tính bất ổn cao. Khủng hoảng năng lượng toàn cầu bắt nguồn từ xung đột Nga - Ukraina, sự thiếu hụt đứt gãy chuỗi cung ứng chưa kịp phục hồi, và hệ quả của các chính sách tiền tệ nới lỏng trong suốt giai đoạn cao điểm của dịch Covid-19 đã làm cho cơ sở lạm phát tăng nhanh chóng, cán quét hầu hết các nền kinh tế trên thế giới. Lạm phát tăng cao kỷ lục đã buộc nhiều Ngân hàng trung ương trên thế giới phải ứng phó bằng cách tăng lãi suất và thắt chặt chính sách tiền tệ mạnh tay nhất trong vòng 15 năm qua, gây ra những tổn hại nghiêm trọng đối với nền kinh tế thế giới, là nguy cơ hiện hữu cho suy thoái kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới phải chống chịu khủng hoảng đa tầng và không dễ vượt qua trong ngắn hạn.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam năm 2022 đã có sự phục hồi mạnh mẽ, vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo. Với sự khôi phục lại tích cực của hầu hết các ngành nghề sau covid, GDP năm 2022 của nước ta đạt 8,02%, vượt mục tiêu kế hoạch và là mức tăng cao nhất kể từ năm 2011. Cơ cấu nền kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng giảm tỷ trọng khu vực nông lâm nghiệp thủy sản, tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ và công nghiệp. Cụ thể, ngành dịch vụ đạt mức tăng 9,9% và ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 8,1%, đóng góp chủ lực vào tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Lạm phát được kiểm soát tốt ở mức 3,15%. Kim ngạch XNK hàng hóa của cả nước năm 2022 vượt mốc 730 tỷ USD. Cán cân thương mại xuất siêu ở mức cao, đạt 11,2 tỷ USD góp phần quan trọng trong việc ổn định và giảm bớt áp lực tỷ giá trên thị trường ngoại tệ. Đầu tư FDI vào Việt Nam tiếp tục là điểm sáng trong năm 2022 với vốn FDI thực hiện đạt 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm 2021.

Ngành thép năm 2022 phải đối mặt với những diễn biến phức tạp, chuyển biến nhanh và khó dự báo, gây tác động đáng kể đến tình hình và hiệu quả SXKD của các doanh nghiệp trong ngành. Trung Quốc thực hiện chiến lược Zero Covid khiến cho nhu cầu tiêu thụ thép nội địa giảm, nguồn cung thép bị dư thừa, các nhà máy cắt giảm sản xuất, làm ảnh hưởng đến ngành thép thế giới nói chung và ngành thép Việt Nam nói riêng. Trong nước, các chính sách thắt chặt tín dụng cùng với thị trường BĐS khó khăn kéo dài, việc triển khai đầu tư công chưa tích cực, và tâm lý thận trọng của khách hàng trước các dự báo về suy thoái kinh tế toàn cầu dẫn đến nhu cầu tiêu thụ thép giảm mạnh. Dưới sự ảnh hưởng bởi việc Trung Quốc đóng cửa và sức ép nhu cầu tiêu thụ yếu của thị trường nội địa, giá thép liên tục điều chỉnh giảm kể từ tháng 4 cho đến cuối năm 2022, làm cho triển vọng của ngành thép âm ảm hơn bao giờ hết. Một số nhà máy thép lớn đã dừng hoạt động các lò cao hoặc cắt giảm mạnh kế hoạch sản xuất thép trong năm 2022. Tính chung cho cả năm 2022, theo Hiệp Hội Thép Việt Nam, sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 29,3 triệu tấn, giảm 11,9% so với năm 2021; tiêu thụ thép thành phẩm các loại đạt 27,3 triệu tấn, giảm 7,2% so với năm trước; và xuất khẩu thép thành phẩm các loại đạt 6,3 triệu tấn, giảm 19,1% so với năm 2021.

GDP năm 2022 của Việt Nam đạt

8,02%

trong khi CPI được kiểm soát tốt ở mức 3,15%



Đánh giá về hoạt động của ban TGD và kết quả SXKD năm 2022

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ và các quyết định của HĐQT đã đề ra. Ban TGD đã bám sát diễn biến thị trường và tình hình Doanh nghiệp để triển khai nhiều giải pháp điều hành linh hoạt và kịp thời, nhằm nỗ lực đưa Doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn thử thách, và cố gắng hoàn thành các mục tiêu hoạt động SXKD. Tổng Giám Đốc và Ban điều hành thực hiện báo cáo đầy đủ và kịp thời về tình hình hoạt động SXKD trong các cuộc họp HĐQT, chủ động chia sẻ những khó khăn khách quan và chủ quan của Doanh nghiệp, từ đó đề xuất giải pháp cũng như xin ý kiến chỉ đạo và chủ trương của HĐQT.

Năm 2022, hầu hết các doanh nghiệp thép có kết quả kinh doanh giảm sút do cạnh tranh về giá bán và thị phần, tiêu thụ thép chậm trong xu hướng liên tục đi xuống của giá thép, cộng thêm chi phí tài chính gồm lãi vay và tỷ giá tăng nhanh và mạnh trong năm. Những thách thức và bất lợi của thị trường đã tạo ra nhiều yếu tố tác động làm cho kết quả SXKD năm 2022

của SMC gặp nhiều khó khăn. Tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại của SMC năm 2022 đạt hơn 1,25 triệu tấn, giảm 2,6% so với cùng kỳ, và hoàn thành 100% kế hoạch. Doanh thu hợp nhất 2022 đạt 23.182 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm trước, và hoàn thành 116% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt mức âm 652 tỷ đồng, không đạt kế hoạch đặt ra đồng thời giảm rất mạnh so với kết quả đạt được của năm 2021.

Dù đã phấn đấu để đạt được kết quả doanh thu đúng mục tiêu đã triển khai, HĐQT và Ban TGD nghiêm túc nhìn nhận trách nhiệm khi không đạt được hiệu quả kinh doanh và ghi nhận mức lỗ LNST cao nhất từ khi thành lập đến nay. Mặc dù HĐQT và Ban TGD đã triển khai nhiều giải pháp linh hoạt nhằm thích ứng với các diễn biến nhanh và khó lường của thị trường, duy trì hoạt động SXKD ở mức phù hợp, ổn định tình hình tài chính và đảm bảo khả năng thanh khoản của SMC, đồng thời tích cực thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí hoạt động Doanh nghiệp, sự tổn thất của chúng ta là quá lớn.



Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022

Trong năm 2022, HĐQT và Ban Điều Hành SMC đã hoàn tất việc chia cổ tức đợt cuối năm 2021 với tỷ lệ là 5% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu.

- Số lượng chứng khoán trước khi thay đổi niêm yết là 60.994.691 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán thay đổi sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu và niêm yết bổ sung là 73.178.587 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán thay đổi sau khi niêm yết là 731.785.870.000 đồng

Trong năm 2022, HĐQT đã hoàn tất việc phát hành 500.000 cổ phiếu ESOP.

- Số lượng chứng khoán thay đổi sau khi phát hành và niêm yết cổ phiếu ESOP là 73.678.587 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán thay đổi sau khi niêm yết là 736.785.870.000 đồng.

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu:

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.250.000	1.253.789	100,3%
• Thép dài	Tấn	630.000	656.074	104,1%
• Thép tấm lá mạ ống	Tấn	620.000	597.715	96,4%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	20.000	23.182	115,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	300,0	(651,8)	0%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	% mệnh giá	10%	0%	0%
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TPHCM (AISC) thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022			

Tình hình thực hiện đầu tư các dự án trong năm:

- Đầu tư mới và hoàn thành xây dựng cơ bản nhà máy Thiết Bị Tự Động SMC Phú Mỹ trên diện tích đất 4,1ha tại KCN Phú Mỹ 1, BRVT với tổng vốn đầu tư là 200 tỷ đồng. Nhà máy chuyên trách thực hiện việc chế tạo, lắp ráp, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị cơ khí, đồng thời triển khai dịch vụ cho thuê kho bãi.
- Đầu tư mới 8 máy cán ống với tổng giá trị gần 55 tỷ đồng, công suất tăng thêm gần 50.000 tấn/năm, đưa tổng công suất sản xuất ống thép của nhà máy Senco

lên 250.000 tấn/năm, chuyên cung cấp các sản phẩm ống chất lượng cao cho các ứng dụng dân dụng, công nghiệp và sản xuất. Hiện tại đã hoàn thành việc lắp ráp MMTB và đang trong quá trình chạy thử, dự kiến hoàn thiện và chính thức đưa vào hoạt động từ quý 2/2023.

- Hoàn thành các hạng mục cơ bản của nhà máy SMC Đà Nẵng mở rộng với tổng giá trị đầu tư hơn 28 tỷ đồng. Đang thực hiện hoàn tất các công trình phụ trợ để hoàn thiện dự án và đưa vào khai thác sử dụng trong quý 2/2023.

Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm 2022

HĐQT phối hợp cùng BKS và Ban Điều Hành tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường. HĐQT nắm bắt tình hình thị trường, vĩ mô, và tình hình Doanh nghiệp để đánh giá tác động và kết quả hoạt động SXKD của Công ty, kiểm tra giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết HĐQT, việc chấp hành và tuân thủ các quy định Pháp luật, quy định hiện hành của Nhà nước, quy định của các cơ quan quản lý chức năng và điều lệ Doanh nghiệp; từ đó xây dựng mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp, và chính sách điều hành quản lý Doanh nghiệp linh hoạt theo những chuyển biến của thị trường.

Hiện HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC bao gồm 5 thành viên, trong đó có 1 thành viên HĐQT độc lập và không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT. Trong năm 2022, các thành viên HĐQT tham gia tích cực trong công tác góp ý và xây dựng chiến lược, thảo luận hoạch định kế hoạch hoạt động của Công ty; đảm bảo sự độc lập và khách quan khi tham gia biểu quyết. Thành viên HĐQT độc lập tham gia ý kiến và đề xuất thực hiện việc quy hoạch, sắp xếp lại nguồn nhân sự, đảm bảo nguồn lực tốt và tối ưu đáp ứng cho nhu cầu phát triển của hệ thống SMC; tham gia ý kiến và kiểm soát các hoạt động về tài chính kế toán đầu tư, đảm bảo việc thực hiện đúng quy định của Pháp luật và sức khỏe tài chính của SMC.

Thành viên và cơ cấu HĐQT

STT	Họ và Tên	Vị trí	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch	10.490.194	14,24	Chủ tịch tại các Đơn vị Thành viên có 100% vốn đầu tư từ Công ty mẹ - CTCP Đầu tư Thương mại SMC
2	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó CT	789.764	1,07	Phó TGD Khối Tài chính Kế toán SMC / TV HĐQT CTCP Thép Nam Kim
3	Kishimoto Hideki	Thành viên	14.416.476	19,57	GD điều hành Cty TNHH Hanwa VN (đại diện phần sở hữu CP của Tập đoàn Hanwa)
4	Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên	3.547.780	4,82	GD Cty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC / TGD Cty TNHH Liên Doanh Ống Thép Senco
5	Vũ Anh Nguyễn	TV độc lập	0	0,00	TGD Cty Nội Thất và Trang trí Baya VN

Các Nghị quyết HĐQT trọng yếu trong năm 2022

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
11.03.2022	77/78/79 /80/81/82/83	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua số liệu BCTC kiểm toán năm 2021 của SMC - Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 - Thống nhất bổ nhiệm chức danh GD/Người đại diện Pháp luật tại Công ty TNHH Thép SMC đối với ông Trương Văn Minh từ ngày 11/3/2022 - Thống nhất bổ nhiệm chức danh GD/Người đại diện Pháp luật tại Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ đối với ông Nguyễn Anh Tuấn từ ngày 11/3/2022 - Thống nhất tái bổ nhiệm chức danh GD/Người đại diện Pháp luật tại Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo đối với ông Lê Trần Anh Vũ từ ngày 11/3/2022. - Thông qua việc sử dụng cổ phiếu SMC của Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan để đăng ký thế chấp mua thép trả chậm tại Cty TNHH Thép Vinakyoei - Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán Nội bộ - Thông qua việc cấp vốn bổ sung 120.000.000.000 đồng cho Cty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 220.000.000.000 đồng.
25.04.2022	138	- Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC thống nhất các nội dung chính về hoạt động SXKD năm 2021 và phương hướng mục tiêu hoạt động SXKD năm 2022.
02.06.2022	181	- Thống nhất triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt cuối năm 2021 với tỷ lệ là 20%
21.06.2022	199	- Thông qua việc cấp vốn bổ sung 275.000.000.000 đồng cho Cty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ, tăng vốn điều lệ của Công ty lên 375.000.000.000 đồng.
14.07.2022	224	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tăng Vốn điều lệ của CTCP Đầu tư Thương mại SMC từ 609.946.910.000 tỷ đồng lên 731.785.870.000 đồng. - Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp tương ứng với vốn điều lệ mới là 731.785.870.000 đồng. - Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại TTLKCKVN và niêm yết bổ sung với SGDCK TP.HCM theo quy định của pháp luật hiện hành.
22.07.2022	239/240/247	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tiêu chuẩn và Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu ESOP. - Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP và Danh sách CBCNV được nhận cổ phiếu ESOP năm 2022. - Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu ESOP, phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Ngày họp	Số Nghị Quyết	Nội dung chính
05.10.2022	338	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP. • Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 500.000 cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành • Số người lao động được phân phối: 66 người • Tổng số cổ phiếu SMC sau đợt phát hành: 73.678.587 cổ phiếu
11.10.2022	339/352	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty và Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp tương ứng với vốn điều lệ mới là 736.785.870.000 đồng. Đăng ký chứng khoán bổ sung với TTLKCKVN và đăng ký niêm yết bổ sung với HOSE. - Thông qua chủ trương, nguyên tắc áp dụng đối với các hợp đồng nguyên tắc, mua bán, dịch vụ giữa các bên liên quan, các Công ty thành viên, liên doanh liên kết trong hệ thống SMC với giá trị giao dịch ký kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Doanh nghiệp theo BCKT năm 2021.
24.10.2022	374	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD tại Cty TNHH MTV SMC Đà Nẵng như sau: • Điều chỉnh bổ sung ngành nghề kinh doanh trong Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của SMC Đà Nẵng • Bổ sung mục tiêu cho thuê nhà xưởng vào Giấy chứng nhận đầu tư và tăng quy mô dự án lên 100.000 tấn/năm
22.12.2022	426/427	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua các nội dung dự kiến trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. - Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định lựa chọn thời gian, địa điểm, ngày chốt danh sách cổ đông CTCP Đầu tư Thương mại SMC để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.

Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2023.

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2023 do ĐHĐCĐ thông qua, bám sát và triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chủ trương, định hướng, nghị quyết của HĐQT với phương châm "Đổi mới - Chuyên nghiệp - Chất lượng". Đổi mới và linh hoạt trong quản trị và điều hành. Chuyên nghiệp trong tác phong và ứng xử. Chất lượng trong sản phẩm và công việc.
- Đề cao và phát huy tinh minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty, phát huy tinh trách nhiệm và đóng góp của các thành viên HĐQT. Đặc biệt nâng cao tinh minh bạch trong công tác quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm quản lý rủi ro trong công tác tài chính kế toán, rủi ro công nợ.
- Chuẩn hóa các quy trình làm việc đảm bảo tính tuân thủ các quy định pháp luật và điều lệ Công ty.
- Nâng cao chất lượng quản trị, quản lý và vận hành các nhà máy khối gia công sản xuất an toàn, ổn định, tập trung nâng cao dịch vụ, chất lượng, năng suất, và vị thế thương hiệu cho hệ thống sản xuất. Đặc biệt tập trung vào khai thác và vận hành ổn định, có hiệu quả các dự án đã được đầu tư mới trong các năm vừa qua.
- Triển khai hoàn thiện công tác sắp xếp, tái cấu trúc, kiện toàn bộ máy hoạt động của toàn hệ thống theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn; thực hiện tiết kiệm chống lãng phí và phát huy văn hóa doanh nghiệp.



2022
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1



Mr. Đặng Huy Hiệp
Năm sinh: 1961

Tổng Giám Đốc
Kỹ sư Cơ Khí

2



Mr. Nguyễn Bình Trọng
Năm sinh: 1963

Phó TGD Thường trực
Cử nhân Kinh tế
Chuyên ngành Tài Chính Kế Toán

3



Mrs. Nguyễn Hồng Châu
Năm sinh: 1974

Phó TGD Khối Thương mại - Dự Án
Cử nhân Ngoại Thương

4



Mr. Nguyễn Văn Tiến
Năm sinh: 1953

Phó TGD
Khối Hành Chính - Nhân Sự
Cử nhân chuyên ngành Xã Hội Học

5



Ms. Nguyễn Ngọc Ý Nhi
Năm sinh: 1983

Phó TGD Khối Tài chính Kế toán
Thạc sỹ Kinh tế Tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Trong năm 2022, tuy nền kinh tế Việt Nam hậu Covid-19 đã có những phục hồi đáng kể, số liệu kinh tế vĩ mô ghi nhận nhiều tích cực, nhưng do ảnh hưởng chung bởi tình hình kinh tế chính trị thế giới diễn biến phức tạp và tiêu cực, hoạt động của các doanh nghiệp ngành thép nói chung và của SMC nói riêng gặp rất nhiều khó khăn thách thức. Với tình hình lạm phát cao, nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu suy giảm, giá thép liên tục điều chỉnh xuống trong năm, giảm mạnh từ sau khi đạt đỉnh quanh mức \$950/tấn vào đầu tháng 4, xuống còn quanh \$500/tấn vào tháng 11, và có phục hồi nhẹ quanh mức \$580-600/tấn cuối năm 2022. Trong nước, đầu tư công chững lại trong khi thị trường BĐS trầm lắng và ảm đạm. Cùng với chính sách thắt chặt tiền tệ và nguồn vốn tín dụng bị ách tắc, chi phí lãi vay tăng cao từ mức 5-6% bình quân đầu năm lên hơn 10% trong những tháng cuối năm 2022. Mảng gia công và sản xuất thép tấm lá mạ ống của SMC cũng bị



ảnh hưởng không nhỏ. Sản lượng kinh doanh và hiệu quả hoạt động bị tác động tiêu cực do giá thép HRC liên tục giảm mạnh, trong khi đó nhóm khách hàng chính của Công ty thuộc các lĩnh vực sản xuất điện tử, điện gia dụng, nội thất, nhà thép tiền chế, máy móc cơ khí chế tạo... có thị trường tiêu thụ cả nội địa và xuất khẩu suy yếu từ giữa năm 2022 kéo dài cho đến nay. Các yếu tố này đã trực tiếp làm cho tình hình hoạt động SXKD của Doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn và nặng nề, đặc biệt trong những tháng cuối năm.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2021	2022	Tăng/giảm %	KH 2022	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.287.391	1.253.789	-2,6%	1.250.000	100,3%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	21.315	23.182	+8,8%	20.000	115,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	901,0	(651,8)	n.a	300,0	0%

Kết thúc năm 2022, sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống đạt hơn 1,25 triệu tấn thép các loại, giảm 2,6% so với cùng kỳ nhưng đã đạt mục tiêu kế hoạch sản lượng đặt ra. Doanh thu thuần đạt 23.182 tỷ đồng, tương ứng 116% kế hoạch năm, và tăng 8,8% so với năm 2021. Kết quả đạt được về sản lượng và doanh thu là sự nỗ lực không ngừng của toàn thể Ban Lãnh Đạo và CBCNV của SMC trong bối cảnh chung năm 2022 có quá nhiều khó khăn thách thức.

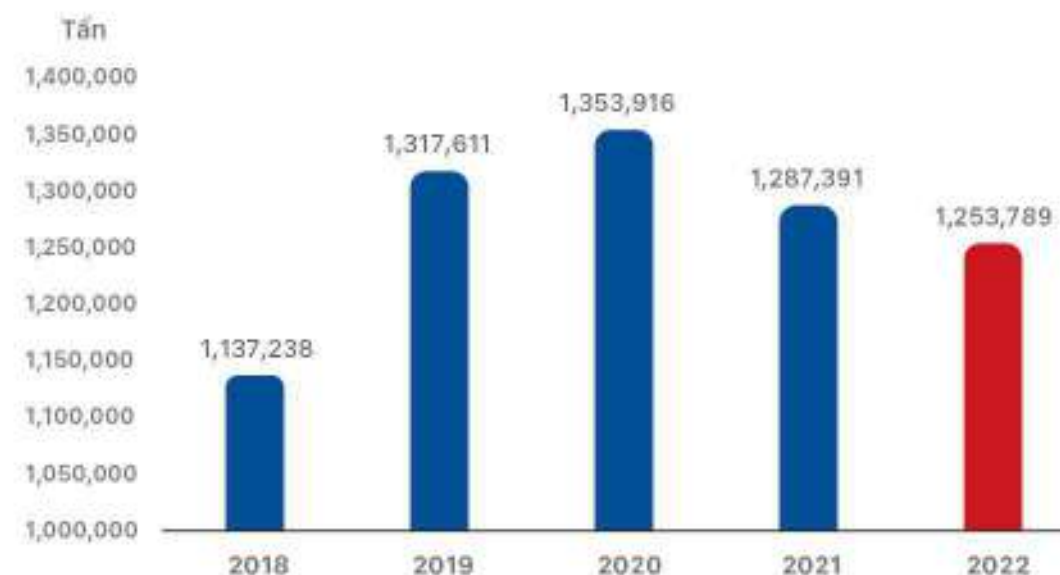
Tình hình hoạt động của Công ty đã diễn ra khá thuận lợi trong 6 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên từ giữa quý II năm 2022, tình hình kinh tế thế giới và ngành thép bắt đầu có những chuyển biến nhanh và khó lường.

Các khó khăn thách thức liên tục xuất hiện gồm giá nguyên liệu thép giảm mạnh, lạm phát tăng nhanh, nhu cầu tiêu thụ thị trường yếu do sự chững lại của toàn bộ thị trường xuất khẩu, thị trường BĐS cùng với việc giải ngân đầu tư công không như mong đợi. Thêm vào đó, các khó khăn từ thị trường tài chính trong 6 tháng cuối năm như nguồn vốn tín dụng hạn chế, chi phí lãi vay và tỷ giá VND/USD tăng mạnh cũng làm cho Doanh nghiệp chịu nhiều thiệt hại. Kết thúc năm 2022, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của SMC lỗ gần 652 tỷ đồng, gây thiệt hại lớn về mặt tài chính và hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp.

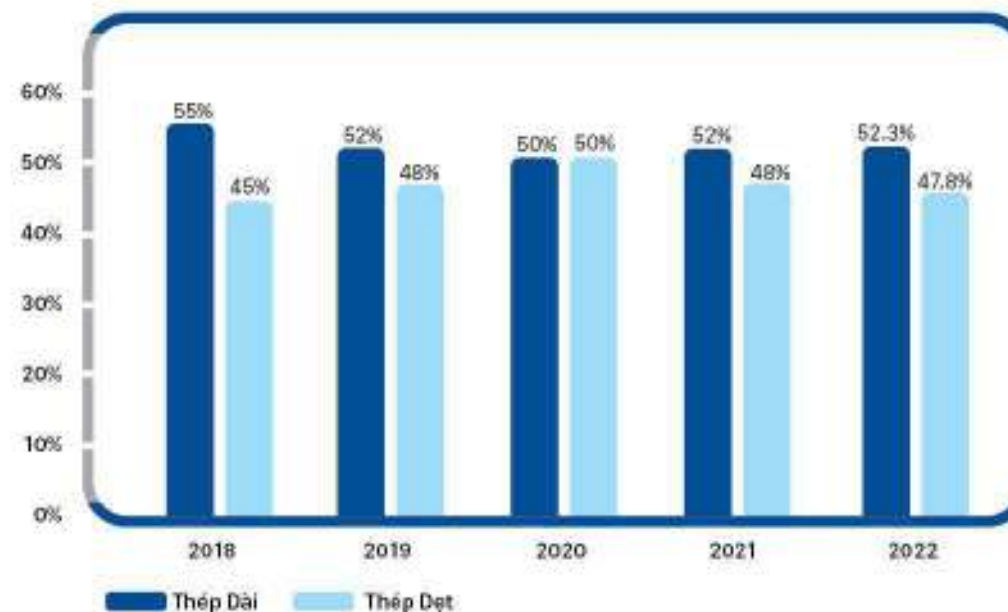
Tình hình tài chính trọng yếu năm 2022

Tổng sản lượng tiêu thụ thép dài năm 2022 là 656.074 tấn thép các loại, giảm 2,8% so với năm trước, chiếm 52,3% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Tổng sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thuộc nhóm thép dẹt năm 2022 là 597.715 tấn, giảm 2,4% so với năm 2021, chiếm 47,7% tổng sản lượng tiêu thụ thép của SMC. Sự khó khăn của thị trường ở cả 2 mảng thép dài và thép dẹt cùng thể hiện rõ trong năm 2022 khi sản lượng tiêu thụ của cả 2 mảng đều giảm so với năm 2021.

Tổng Sản lượng thép tiêu thụ 2018 - 2022



Cơ cấu sản lượng tiêu thụ thép các loại 2018 - 2022



(* Thép dài = Thép xây dựng + Phôi thép + Thép hình + Lưới thép hàn + Thép khác

(* Thép dẹt = Thép cán nóng + Thép lá mạ + Gia Công + Thép Ống

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2021	2022	Tăng/giảm %
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	159.889	117.183	-26,7%
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	309.864	253.957	-18,0%
SLXK / Tổng SL thép tiêu thụ	%	12,4	9,3	-3,1%

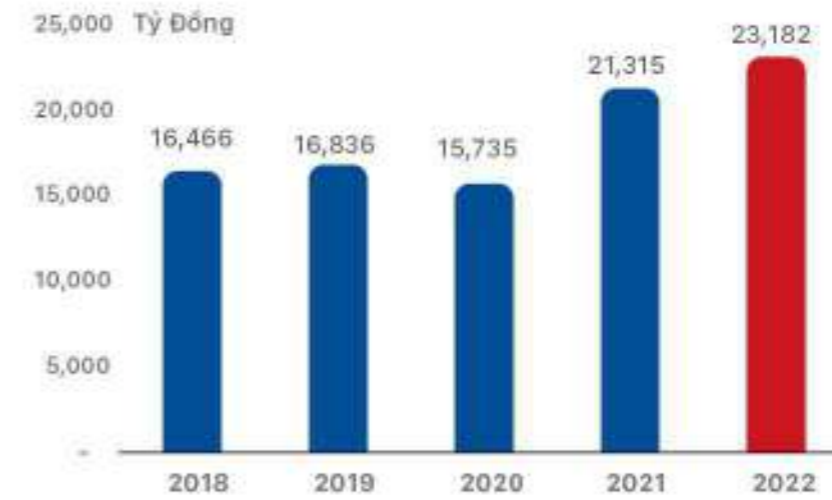
Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2022 đạt 117.183 tấn thép các loại, giảm mạnh 27% so với năm trước và chiếm 9,3% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống. Thị trường xuất khẩu chính của SMC là các nước Đông Nam Á, nơi chịu ảnh hưởng lớn trực tiếp từ cơn bão lạm phát của thế giới làm cho lãi suất tăng và tỷ giá biến động mạnh trong khi nhu cầu tiêu thụ của thị trường chùn xuống, do đó việc xuất khẩu giảm sút cũng nói lên những khó khăn chung của ngành thép và khó khăn riêng của doanh nghiệp trong năm. Tổng sản lượng thép nhập khẩu các loại đạt 253.957 tấn trong năm 2022, giảm 18% so với năm trước. SMC vẫn tích cực khai thác các nguồn hàng xuất nhập khẩu để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh các mặt hàng cốt lõi như cán nóng, cán nguội, mạ điện, hàng secondary.

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

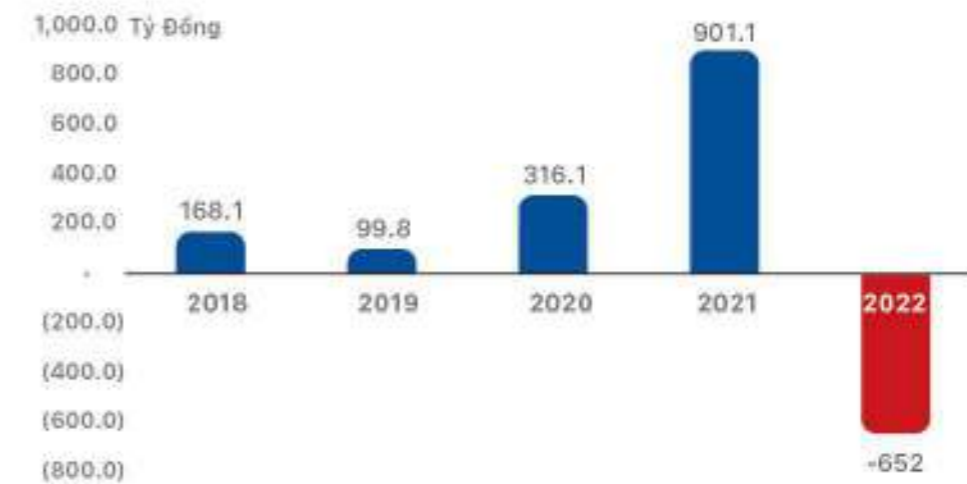
CHỈ TIÊU	Đơn vị	2021	2022	Tăng/giảm %
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	21.315,0	23.181,6	+8,8%
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh				
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	19.834,7	23.219,2	+17,1%
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	219,1	209,8	-4,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	127,2	123,4	-3,0%
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	182,8	367,9	+101,2%
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	164,0	240,9	+46,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu	%	1,03	0,9	-0,1%
Chi phí QLDN/Doanh thu	%	0,6	0,5	-0,1%
Chi phí tài chính/Doanh thu	%	0,86	1,6	+0,7%
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	1.480,4	(37,6)	n.a
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	109,0	117,6	+7,8%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.099,8	(590,9)	n.a
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	901,1	(651,8)	n.a
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	6,95	-0,16	n.a
Tỷ suất LNNT/Doanh thu	%	5,17	-n.a	n.a
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	4,23	-n.a	n.a
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	10,0	-n.a	n.a
Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	37,2	-n.a	n.a

Doanh thu bán hàng năm 2022 đạt hơn 23.182 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ. Sản lượng tiêu thụ toàn hệ thống năm 2022 giảm nhẹ 2,6% so với năm 2021 nhưng giá bán bình quân mặt hàng thép các loại duy trì ở mức tương đối cao hơn giá bán bình quân năm trước là nhân tố chính thúc đẩy doanh thu. Trong khi doanh thu chỉ tăng ở mức khiêm tốn, chi phí GVHB tăng mạnh 17%, làm cho lợi nhuận gộp năm 2022 của toàn hệ thống âm gần 38 tỷ với tỷ suất biên lợi nhuận gộp âm 0,16%.

Doanh thu bán hàng 2018 - 2022



Lợi nhuận sau thuế 2018 - 2022



Chi phí bán hàng và chi phí QLDN năm 2022 được duy trì ở mức tương đương với năm 2021, với tỷ suất chi phí trên doanh thu tương ứng lần lượt là 0,9% và 0,5%. Dưới áp lực của thị trường tài chính quốc tế từ giữa năm 2022 cụ thể là việc Fed tăng lãi suất, làm cho tỷ giá USD/VND tăng mạnh suốt từ tháng 5/2022 đến hết tháng 11/2022. Để bình ổn tỷ giá và kiềm chế lạm phát, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện các chính sách thắt chặt tiền tệ và liên tục tăng lãi suất điều hành. Diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế tài chính thế giới và trong nước đã tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp; chi phí tài chính, chi phí lãi vay tăng mạnh gây áp lực lớn lên hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp. Theo đó, tổng chi phí tài chính của SMC năm 2022 ghi nhận mức tăng gấp đôi so với năm trước, trong đó riêng chi phí lãi vay tăng hơn 46%, góp phần bào mòn lợi nhuận kinh doanh của Doanh nghiệp. Kết thúc năm 2022, LNST hợp nhất gánh chịu mức lỗ lớn âm 652 tỷ đồng.

Cơ Cấu Tài sản

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2021	2022	Tăng/giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	7.023,9	6.272,9	-10,7%
Tiền mặt	Tỷ đồng	624,6	813,9	+30,3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	703,8	686,7	-2,4%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	2.858,1	2.931,9	+2,6%
Vòng quay phải thu người mua	Ngày	42	47	+11,9%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	2.544,7	1.564,8	-38,5%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	47	25	-46,8%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	1.981,9	2.056,2	+3,7%
Tài sản cố định	Tỷ đồng	998,8	1.218,7	+22,0%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	9.005,8	8.329,1	-7,5%

Tổng tài sản SMC kết thúc năm 2022 là gần 8.329 tỷ đồng, giảm 7,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản ngắn hạn là 6.273 tỷ đồng, giảm gần 11% so với năm 2021, tương ứng giảm 751 tỷ đồng. Trong đó, tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn cuối kỳ là hơn 1.500 tỷ đồng, tăng 13% so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn của SMC cuối năm 2022 đạt gần 2.932 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Việc khó khăn bất nguồn từ nhu cầu thép suy giảm do thị trường BĐS xây dựng bị đình trệ, đầu tư công không tích cực, cộng thêm chính sách siết chặt tín dụng và mặt bằng lãi vay tăng cao trong nửa cuối năm 2022 đã làm cho các khoản phải thu các khách hàng lớn của SMC chậm luân chuyển. Vòng quay khoản phải thu bình quân do

đó tăng từ 42 ngày trong năm 2021 lên 47 ngày trong năm 2022. Với các điều kiện không thuận lợi của thị trường trong năm 2022, SMC đã chủ động thực hiện chính sách quản lý hàng tồn kho hợp lý hơn, giảm đáng kể lượng và giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm 2022 so với cùng kỳ. Vòng quay hàng tồn kho do đó được rút ngắn đáng kể từ 47 ngày năm 2021 xuống còn 25 ngày cuối năm 2022. Tổng tài sản dài hạn SMC kết thúc năm 2022 đạt 2.056 tỷ đồng, tăng nhẹ 4% so với năm trước đó, trong đó tài sản cố định tăng hơn 220 tỷ đồng do các khoản đầu tư mới của Công ty cho các dự án mở rộng Sendo, SMC Tân Tạo, SMC Đà Nẵng, và nhà máy Thiết bị tự động SMC.



Tổng tài sản SMC
kết thúc năm 2022 đạt

8.329
tỷ đồng



Cơ cấu Nợ và Vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2021	2022	Tăng/giảm %
Nợ phải trả ngắn hạn	Tỷ đồng	6.120,5	5.992,5	-2,1%
Vay nợ ngân hàng ngắn hạn	Tỷ đồng	3.143,7	3.004,1	-4,4%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	2.122,8	2.676,4	+26,1%
Vòng quay phải trả người bán	Ngày	39	42	+7,7%
Nợ phải trả dài hạn	Tỷ đồng	466,4	613,6	+31,6%
Vay nợ ngân hàng dài hạn	Tỷ đồng	461,4	571,4	+23,8%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	6.586,9	6.606,0	+0,3%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.418,9	1.723,1	-28,8%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	609,95	736,79	+20,8%
Nợ vay Tài chính/ Tổng VCSH	%	149,0	207,5	n.a
Tổng nợ phải trả/ Tổng VCSH	Lần	2,72	3,83	n.a

Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2022 của Công ty là 6.606 tỷ đồng, tăng nhẹ 19 tỷ đồng, tương đương 0,3% so với năm trước. Nợ phải trả ngắn hạn toàn hệ thống đạt 5.993 tỷ, giảm 2% so với cùng kỳ. Trong đó dư nợ vay ngân hàng ngắn hạn và phải trả người bán tương ứng là 3.004 tỷ (-4%) và 2.676 tỷ đồng (+26%). Nợ phải trả dài hạn của SMC cuối năm 2022 tăng thêm 32% từ 466 tỷ lên 614 tỷ đồng, trong đó chủ yếu tăng vay nợ dài hạn thêm gần 110 tỷ đồng, tài trợ vốn cho MMTB mới.

Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả 20% cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành mới 500.000 cổ phiếu ESOP làm tăng vốn điều lệ Công ty từ gần 610 tỷ lên 736,8 tỷ đồng. Tuy nhiên do KQKD không thuận lợi, tổng VCSH của doanh nghiệp cuối năm 2022 giảm mạnh, làm cho tỷ số tài chính về nợ vay và tổng nợ phải trả trên tổng VCSH bị tăng nhiều so với các chỉ số của năm trước.



Tại Việt Nam, chính sách điều hành vĩ mô, tài khóa và tiền tệ linh hoạt, các hoạt động giao thương, đầu tư công và đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam dự báo sẽ vẫn ổn định. Tăng trưởng GDP cả nước được kỳ vọng đạt 6,5% cho năm 2023 và lạm phát được đề ra ở mức 4,5%. Tuy nhiên cũng cần phải thận trọng trước các yếu tố rủi ro chung toàn cầu, trong đó sự suy thoái và giảm tốc của các nền kinh tế lớn trên thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Châu Âu trong năm 2023 sẽ có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam do đây là các đối tác thương mại chính của nước ta.

Bên cạnh đó, những bất ổn của thị trường trái phiếu và sự đóng băng của thị trường BĐS trong nước kéo dài cũng sẽ tiếp tục gia tăng áp lực cho tăng trưởng kinh tế năm 2023 cho đến khi xuất hiện các cú hích đến từ chính sách nới lỏng tiền tệ, và sự phục hồi của thị trường. Mặc dù thách thức và khó khăn năm 2023 là hiện hữu nhưng nếu các giải pháp được thực hiện đồng bộ và phù hợp thì đà suy thoái của nền kinh tế sẽ sớm chấm dứt, để tạo đà cho chu kỳ tăng trưởng kinh tế tiếp theo.

Theo Worldsteel, ước tính nhu cầu thép toàn cầu trong năm 2023 phục hồi nhẹ ở mức 1% so với sự suy giảm trong năm trước đó, trong đó khu vực ASEAN và việc mở cửa lại của Trung Quốc đóng vai trò quan trọng cho sự tăng trưởng chung này. Đối với ngành thép Việt Nam, dự kiến năm 2023 tiếp tục là năm khó khăn khi thị trường BĐS gần như chưa thể hồi phục tích cực trong khi các vấn đề về thắt chặt tín dụng và chi phí tài chính cao vẫn đang là một áp lực không nhỏ. Đầu tư công được kỳ vọng sẽ là một trong những nhân tố chính thúc đẩy tăng trưởng cho ngành thép nội địa. Dù được hỗ trợ bởi đầu tư công và xuất khẩu thép có thể tích cực hơn vào cuối năm 2023 song triển vọng phục hồi tích cực của các doanh nghiệp ngành thép vẫn cần thêm nhiều thời gian.

Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2023

Năm 2023 được nhận định tiếp tục là một năm rất khó khăn, tăng trưởng toàn cầu dự kiến vẫn sẽ chậm lại do các cuộc khủng hoảng xung đột địa chính trị đan xen, lạm phát gia tăng, chính sách thắt chặt tiền tệ, và tình trạng khẩn cấp về an ninh năng lượng và khí hậu. Theo đó tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ ở mức thấp khoảng 2% trong năm 2023 trong khi lạm phát toàn cầu được dự đoán ở mức 6,5%. Lạm phát và lãi suất ở nhiều nước được cho là đã đạt đỉnh nhưng vẫn duy trì ở mức cao, tiếp tục gây áp lực lớn làm cho tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia chậm lại. Châu Á được mong đợi sẽ trở thành động lực chính cho triển vọng kinh tế toàn cầu năm nay, đặc biệt là sự hồi phục của kinh tế Trung Quốc sau khi mở cửa trở lại sẽ tạo ra những động lực quan trọng.

Các chỉ tiêu và định hướng kinh doanh chủ yếu cho năm 2023:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	KH 2022/ KH 2023
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.253.789	1.000.000	-20,2%
	- Thép dài	Tấn	656.074	500.000	-23,8%
	- Thép dẹt	Tấn	597.715	500.000	-16,3%
2	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	23.152	20.350	-12,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(644,8)	150,0	n.a
4	Cổ tức	% mệnh giá	0%	5%	n.a

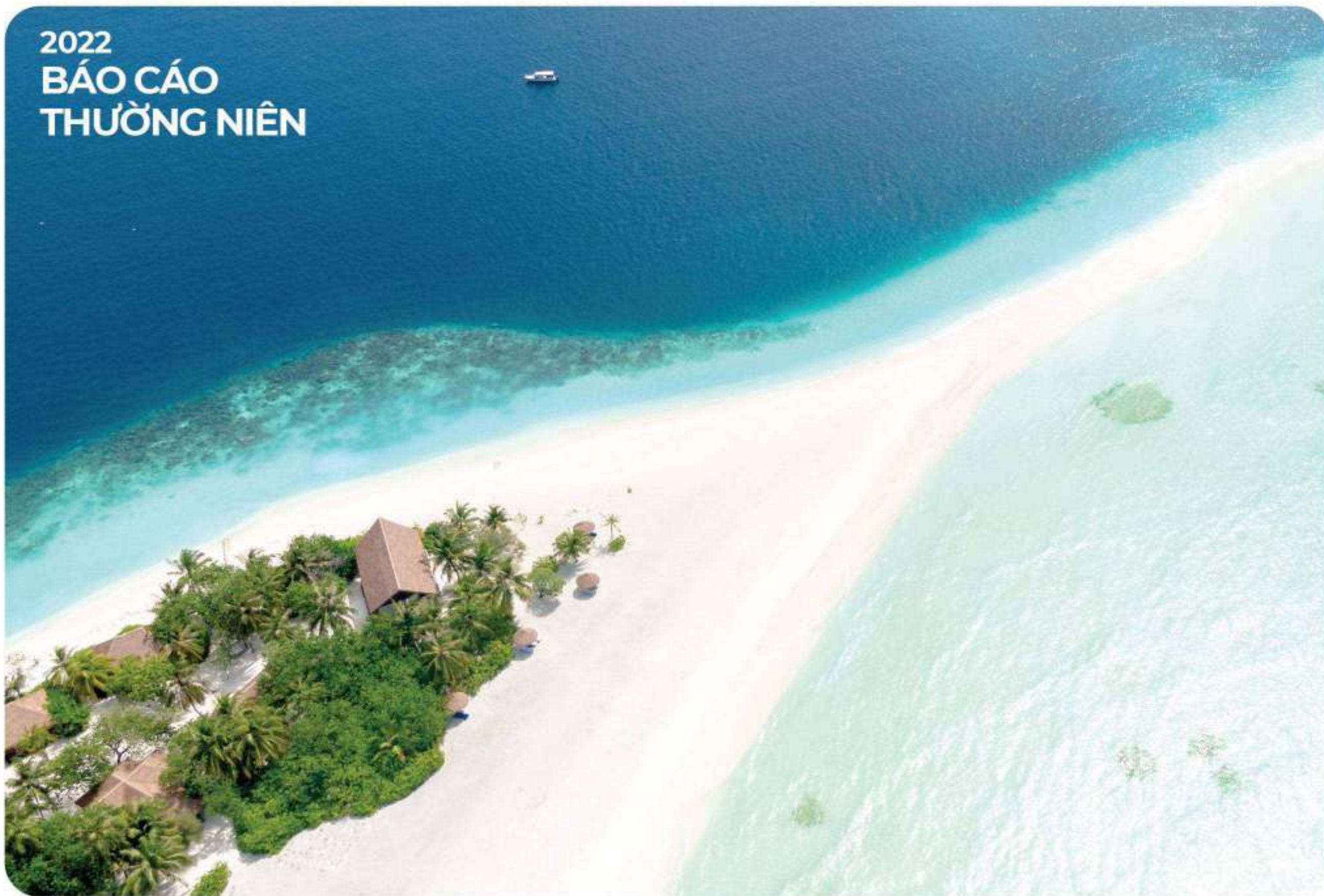


Việc điều hành quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC sẽ dựa trên các định hướng chính sau:

- Toàn hệ thống SMC cần linh hoạt thích ứng nhanh nhất với tình hình mới và các biến động của thị trường, đẩy mạnh đảm bảo hoạt động SXKD ổn định và có hiệu quả.
- Quản trị tồn kho và mua hàng trên nguyên tắc cân trọng, phù hợp, linh hoạt, dự trữ tồn kho tối ưu bám sát với diễn biến của thị trường. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh chủ trọng cả về chất và lượng, kết hợp tăng cường quản trị kiểm soát các khoản phải thu và rủi ro công nợ.
- Tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất làm việc, và hiệu suất sản xuất. Tiếp tục phấn đấu quản trị cải thiện chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh toàn hệ thống. Tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề và mở rộng chuyên sâu theo năng lực thực tế, đi cùng với việc đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số trong hệ thống, trọng tâm áp dụng vào các đơn vị sản xuất trong năm 2023. Chú trọng công tác an toàn lao động tại tất cả các nhà máy gia công sản xuất của hệ thống.

- Tiếp tục rà soát cập nhật lại các quy định, quy trình cho phù hợp với tình hình mới, phân định trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị, bộ phận và nhấn mạnh công tác kiểm soát nội bộ.
- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, và sắp xếp lại nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao đội ngũ cán bộ quản lý nhằm nâng chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng cho nhu cầu phát triển của toàn hệ thống.
- Duy trì và phát triển tốt năng lực tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành doanh nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro và giám sát tài chính trong toàn hệ thống, đảm bảo an toàn và gia tăng hiệu quả sử dụng vốn. Thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- Duy trì ổn định hoạt động xuất nhập khẩu phục vụ cho yêu cầu của kinh doanh và sản xuất gia công chế biến. Mở rộng các mối quan hệ với đối tác trong và ngoài nước, mục đích vừa quảng bá thương hiệu, vừa nâng cao vị thế và khai thác thông tin kinh tế phục vụ yêu cầu kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển của hệ thống SMC.
- Tập trung khai thác vận hành một cách ổn định và có hiệu quả các dự án đã đầu tư trong thời gian qua. Không thực hiện đầu tư mới trong giai đoạn này.

2022
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

1



Ms. Võ Thị Tố Ngân
Năm sinh: 1978

Thành viên BKS
Cử nhân Kinh tế

2



Ms. Lê Thị Cẩm Tú
Năm sinh: 1981

Thành viên BKS
Cử nhân Luật

3



Ms. Đặng Thị Thu Trang
Năm sinh: 1980

Thành viên BKS
Cử nhân Kinh tế

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



Năm 2022, cả thế giới bước qua đại dịch Covid giống như một cơ thể vừa trải qua cơn bạo bệnh, nền kinh tế toàn cầu bước vào thời kỳ suy thoái, cùng với đó là chiến tranh Nga - Ukraina đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn bộ đời sống kinh tế chính trị xã hội trên thế giới cũng như trong nước. Để kiểm soát xu hướng lạm phát đang tăng nhanh trên toàn cầu và đồng USD không ngừng mạnh lên, NHNNVN đã đưa ra các chính sách thắt chặt tiền tệ tin dụng quyết liệt nhằm hạn chế tối đa sự gia tăng đó, cộng thêm tình hình bất ổn ở thị trường trái phiếu đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến thị trường vốn và thị trường BĐS. Điều này đã tác động rất lớn đến ngành thép nói chung và Doanh nghiệp nói riêng đòi hỏi HĐQT, Ban điều hành, và toàn bộ CBCNV Công ty cùng cố gắng vượt qua các khó khăn thách thức của năm 2022.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2022, BKS kết hợp với Ban kiểm toán nội bộ đã thực hiện công tác giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thông qua các hoạt động như sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT trong năm 2022.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của cơ quan quản lý và điều lệ hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban TGD.
- Thông qua cuộc họp hàng tháng của Ban lãnh đạo công ty, BKS sẽ bám sát kiểm tra tính thực hiện và tuân thủ tại các công ty thành viên, và việc triển khai thực hiện các nghị quyết ĐHCĐ, và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Về công tác nhân sự, Hội đồng quản trị đã thực hiện các cuộc họp thường kỳ và bất thường để thông qua các Nghị quyết thay đổi các nhân sự điều hành chủ chốt của SMC như sau:

- Ngày 24/12/2021: Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT CTCP Đầu tư Thương mại SMC
- Thống nhất thông qua các Nghị quyết về việc bổ nhiệm mới và tái bổ nhiệm các Giám đốc kiểm đại diện pháp luật tại các Công ty thành viên của SMC

Thực hiện một số chủ trương liên quan đến định hướng phát triển của SMC trong giai đoạn tiếp theo như:

- Thống qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT Công ty
- Thống qua việc cấp vốn bổ sung tăng vốn điều lệ cho các Công ty thành viên là Công ty TNHH Gia Công Thép SMC Phú Mỹ và Công ty TNHH Cơ Khí Chính Xác SMC Phú Mỹ.

- Thông qua việc chi trả và thực hiện phương án chi trả cổ tức đợt cuối năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%.
- Thống qua việc phát hành cổ phiếu ESOP, phương án và quy chế phát hành cổ phiếu ESOP năm 2022.
- Thống qua nghị quyết tăng Vốn điều lệ của CTCP Đầu tư Thương mại SMC lên thành 736.785.870.000 VNĐ.

Trong năm 2022, tình hình chung có nhiều biến động nhanh, mạnh và khó lường, đòi hỏi HĐQT và Ban Điều Hành phải bám sát diễn biến thị trường để có những chỉ đạo điều hành linh hoạt và phù hợp. HĐQT đã cố gắng triển khai hoàn thành tốt các nội dung Nghị quyết ĐHCĐ để ra. Tuy nhiên HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT nên chưa phát huy hết vai trò của thành viên HĐQT độc lập.



III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TGD

Ban TGD đã điều hành toàn hệ thống SMC một cách thống nhất, tập trung và ổn định, đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

STT	CHỈ TIÊU CHÍNH	Đơn vị	Kế Hoạch 2022	Thực Hiện 2022	% KH/TH
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn/năm	1.250.000	1.253.789	100,3 %
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	20.000	23.182	115,9 %
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	300,0	(651,8)	n.a

Năm 2022, sản lượng tiêu thụ thép các loại tại SMC là 1,253 triệu tấn, đạt được 100,3% kế hoạch được giao. Doanh thu bán hàng đạt 23.182 tỷ đồng, tương đương gần 116% kế hoạch năm. Tuy sản lượng và doanh thu đạt kế hoạch để ra nhưng hiệu quả hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty ghi nhận lỗ 651,8 tỷ đồng. Nguyên nhân:

- Giá thép và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước cũng như trên thế giới giảm mạnh trong năm 2022.

• Trung Quốc đóng cửa, vẫn áp dụng chính sách Zero Covid trong cả năm 2022, gây ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp lên lượng và giá thép toàn cầu.

• Từ tháng 8/2022, ngân hàng bắt đầu áp dụng chính sách thắt chặt tiền tệ tín dụng, lãi suất tăng cao, tỷ giá biến động mạnh, nhu cầu thép trong nước giảm mạnh. Do đó, mặc dù 6 tháng đầu năm 2022 hoạt động SXKD của Công ty vẫn đạt hiệu quả và có lợi nhuận thì tình hình khách quan và chủ quan biến chuyển tiêu cực trong nửa cuối năm 2022 đã làm cho tổng lợi nhuận hợp nhất cuối cùng của Công ty bị thiệt hại nặng nề.

IV. KẾ HOẠCH CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

Phối hợp với ban Kiểm toán nội bộ thực hiện các công việc như sau:

- Kiểm tra, xem xét các vấn đề trọng yếu (nếu có) trong báo cáo kiểm toán giữa kỳ và cuối kỳ.
- Kiểm tra các hoạt động thu chi tiền mặt (dịch vụ mua ngoài) tại các Công ty Thành viên.
- Kiểm tra tính tuân thủ và hiệu quả hoạt động tại các Công ty Thành viên thông qua quy trình đặt hàng, nhập hàng và trả hàng, chu kỳ luân chuyển hàng tồn kho và có đánh giá nhà cung cấp, quy trình bán hàng, xuất hàng và nhận hàng bán trả lại, công nợ và xem xét nguyên tắc bán nợ.

V. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Với tình hình khó khăn của nền kinh tế hiện nay, BKS đề nghị:

- Củng cố toàn bộ hệ thống, đội ngũ lãnh đạo và bộ máy CBCNV để thích ứng và phản ứng tốt trước các diễn biến khó lường của tình hình vĩ mô và thị trường ngành thép trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
- Đào tạo nâng cao tinh thần đa năng đa nhiệm đối với mỗi nhân viên.
- Khen thưởng đối với những sáng kiến nâng cao năng lực sản xuất, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho sản phẩm cũng như giá thành cạnh tranh.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Quản trị rủi ro

Rủi ro kinh tế vĩ mô và Rủi ro ngành

Sự thay đổi của nền kinh tế và các chính sách điều hành kinh tế của chính phủ có ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng đến tình hình SXKD và đời sống doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với các biến động của yếu tố vĩ mô. Trong năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid cơ bản được kiểm soát, nền kinh tế thế giới và Việt Nam bắt đầu hồi phục mạnh mẽ trở lại, tạo điều kiện cho nhu cầu tiêu dùng và giá cả hàng hóa tích cực, nhiều doanh nghiệp quay lại đẩy mạnh các hoạt động SXKD trong những tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên nhanh chóng sau đó, nhiều sự kiện lớn và có sức ảnh hưởng quan trọng trên thế giới diễn ra từ chiến tranh Nga-Ukraina, việc thực hiện chính sách zero Covid của Trung Quốc, cho đến làn sóng lạm phát tăng cao khắp toàn cầu đã gây tổn thương cho hầu hết tất cả các nền kinh tế; lãi suất và tỷ giá liên tục biến động mạnh, nhu cầu tiêu dùng và giá cả hàng hóa rơi dốc nhanh chóng. Đặc biệt đối với ngành thép, rủi ro và ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô, bất ổn kinh tế chính trị trên toàn cầu và yếu tố ngành càng rõ nét, đặt các doanh nghiệp thép trong bối cảnh phải đối đầu với nhiều khó khăn chưa từng có. Lạm phát gia tăng đẩy chi phí đầu vào, chi phí vận hành chung, chi phí tài chính của doanh nghiệp tăng cao, trong khi đó giá thép và nhu cầu tiêu thụ thép liên tục giảm trong cả năm 2022, ảnh hưởng trực tiếp đến tỷ suất lợi nhuận cũng như hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thép. Bối cảnh này đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải có sự ứng biến linh hoạt và chủ động, có sự chuẩn bị cả về nguồn lực tài chính và hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành để kịp thời ứng phó và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực của thay đổi vĩ mô và chuyển biến ngành.

Rủi ro chính sách và Rủi ro pháp luật

Các chính sách trọng yếu trong việc điều hành phát triển kinh tế chính trị có ảnh hưởng nhất định đến các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đó. Sự thay đổi các chính sách về tài khóa, chính sách tiền tệ tín dụng, chính sách thuế, chính sách quản lý bình ổn giá cả hàng hóa, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và phát triển sau đại dịch Covid... có thể đem đến những thuận lợi cũng như rủi ro về chính sách và pháp lý cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện và áp dụng. Việc đồng bộ hóa chính sách, kịp thời nhận diện và tìm kiếm giải pháp hạn chế rủi ro phát sinh của chính sách sẽ giúp cho doanh nghiệp yên tâm phát triển. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng phải liên tục cập nhật các chính sách quan trọng, có liên quan trực tiếp đến hoạt động SXKD của mình để triển khai kịp thời và thực hiện một cách có hiệu quả các chính sách của nhà nước. Doanh nghiệp hoạt động dưới sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế... Việc sửa đổi, thay đổi, bổ sung của luật và các văn bản dưới luật sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động SXKD, các quy định liên quan đến công bố thông tin và quản trị Công ty đại chúng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch cổ phiếu của Công ty. Do đó, Công ty chủ động thành lập bộ phận chuyên môn để thường xuyên theo dõi, dự báo, và cập nhật các thay đổi của chính sách, luật và các văn bản dưới luật, có tác động trực tiếp, gián tiếp, và quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Bên cạnh việc liên tục đào tạo bồi dưỡng nhân sự nhằm đảm bảo tuân thủ và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục pháp lý pháp chế có liên quan, Công ty cũng linh hoạt sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.



Rủi ro tài chính tín dụng

Ngành thép là một trong những ngành có tỷ lệ vốn vay chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các doanh nghiệp. Nguồn vốn đáp ứng cho nhu cầu đầu tư phát triển mới và cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí lãi vay, và biến động tỷ giá khó lường sẽ là các yếu tố về tài chính tín dụng gây khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Năm 2022 là một năm có nhiều biến động mạnh trên thị trường tài chính tiền tệ trong và ngoài nước. Hoạt động của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi nguồn vốn tín dụng bị thắt chặt và chịu tác động kép bởi biến động tỷ giá và lãi suất. Trong xu hướng điều chỉnh tăng lãi suất của FED và sự mất giá của các đồng nội tệ so với USD lan rộng khắp châu Á cũng như toàn cầu, từ tháng 9/2022 lãi suất và tỷ giá của Việt Nam đã bật tăng mạnh nhằm ưu tiên thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát. Việc này thử thách và đòi hỏi các doanh nghiệp ngành thép phải chủ động hơn về

nguồn vốn tự có, sắp xếp lại cơ cấu nợ và vốn để tiết giảm chi phí tài chính, đồng thời đa dạng hóa các nguồn tài trợ vốn với chi phí tối ưu cho nhu cầu hoạt động kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp. Việc giám sát và triển khai chính sách mua hàng, tồn kho, bán hàng, và thu hồi công nợ cũng cần được quản lý chặt chẽ nhằm đảm bảo dòng tiền tích cực từ hoạt động kinh doanh bổ sung cho nguồn vốn. Các biện pháp phòng ngừa biến động tỷ giá bằng các hợp đồng tương lai mua bán ngoại tệ được tận dụng đúng thời điểm và hiệu quả, đóng góp phần nào vào việc tiết giảm chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

Rủi ro khác

Các rủi ro mang tính chất bất khả kháng và khó lường như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, rủi ro địa chính trị... nếu xảy ra sẽ có tác động đến tình hình SXKD của Công ty.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

2. Tổ chức và nhân sự

Hoạt động nhân sự của SMC trong năm 2022 cũng chịu nhiều ảnh hưởng trong tình hình kinh tế biến động của cả nước nói chung và ngành thép nói riêng. Mặc dù trong giai đoạn rất khó khăn, toàn thể CBCNV hệ thống SMC vẫn nỗ lực, cố gắng, đoàn kết để cùng nhau vượt qua các khó khăn, sẵn sàng đương đầu với những thử thách khắc nghiệt và khó khăn hơn nữa trong tương lai. Đội ngũ nhân sự SMC vẫn đang tích cực làm việc, cống hiến, phát huy hết khả năng và vai trò của mình trong công việc, đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành chia sẻ những khó khăn cùng Công ty với niềm tin mãnh liệt SMC sẽ nhanh chóng vượt qua giông bão.

Bên cạnh khó khăn, trong năm 2022 SMC vẫn có những thành tựu tích cực rất đáng khích lệ. Hệ thống nhân sự SMC được giữ vững và ổn định, thu nhập của CBCNV vẫn được đảm bảo ở mức tối ưu nhất; cơ cấu nhân sự được điều chỉnh linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và tối ưu hóa nguồn nhân lực. SMC vẫn tiếp tục duy trì các chính sách nhân sự tích cực đảm bảo giữ và phát huy tối đa vai trò của nguồn nhân lực hiện hữu.

3. Tháng 04/2022: điều chỉnh thu nhập Khối Sản xuất toàn hệ thống SMC

- SMC tiến hành điều chỉnh thu nhập CBCNV Khối Sản xuất theo quy chế Điều chỉnh thu nhập đã được ban hành: điều chỉnh lương cơ bản theo thâm niên, điều chỉnh các loại phụ cấp theo quy chế: phụ cấp thâm niên, phụ cấp năng lực, đảm bảo mức độ phù hợp, tinh cạnh tranh trên thị trường lao động và các công ty trong cùng lĩnh vực.

4. Tháng 10/2022: điều chỉnh thu nhập Khối Văn phòng hệ thống SMC:

- Mặc dù trong giai đoạn khó khăn nhưng toàn thể nhân viên khối Văn phòng SMC đều được điều chỉnh các khoản phụ cấp theo quy chế: phụ cấp thâm niên, phụ cấp năng lực, phụ cấp chuyên môn; việc điều chỉnh các khoản phụ cấp trong giai đoạn này là sự cố gắng hết sức của Ban Lãnh đạo SMC nhằm ghi nhận đóng góp của toàn thể nhân viên trong thời gian vừa qua đối với Doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó, vai trò của lực lượng nhân sự nguồn, nhân sự nòng cốt vẫn được chú trọng và đánh giá cao;

Ban Lãnh đạo SMC cũng đã kịp thời có những điều chỉnh lương cơ bản cho một số CBCNV/ quản lý được đánh giá tốt, vượt trội, nhằm ghi nhận và giữ chân được lực lượng nhân sự trong giai đoạn biến động này.

- Sự điều chỉnh thu nhập đối với nhân viên khối Văn phòng trong giai đoạn này đã mang lại những giá trị tinh thần to lớn, tạo động lực để tập thể gắn bó và tiếp tục cống hiến cho sự tồn tại và phát triển của SMC.

5. Quý IV/2022: công tác nhân sự trong giai đoạn khó khăn của doanh nghiệp

- Tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế của thế giới và Việt Nam; hoạt động sản xuất kinh doanh của SMC cũng chịu ảnh hưởng khả năng nề.

- Các chính sách nhân sự, lương và chế độ được điều chỉnh một cách linh hoạt đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn giữ được lực lượng nhân sự hiện hữu, có thâm niên, có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao, sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp trong giai đoạn khó khăn và đảm bảo duy trì công việc một cách hiệu quả.



Những điểm nhấn trong công tác Nhân sự năm 2022

1. SMC triển khai các dự án mở rộng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2022:

- Tháng 02/2022 triển khai dự án Sendo 2 - Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo.
- Tháng 04/2022 triển khai dự án mở rộng SMC Đà Nẵng và SMC Tân Tạo.

2. 01/04/2022 thành lập Công ty TNHH Thiết bị Tự động SMC Phú Mỹ tại KCN Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

- Công ty TNHH Thiết bị tự động SMC Phú Mỹ hoạt động trong lĩnh vực gia công cơ khí; sản xuất sản phẩm bằng kim loại; sản xuất linh kiện điện tử; sản xuất công cụ và máy tạo hình kim loại; sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện tử và quang học, thiết bị điện; lắp đặt máy móc thiết bị; vận tải hàng hóa; kho bãi...
- Bổ nhiệm Ông Trương Đức Thế là Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị Tự động SMC Phú Mỹ
- Một số nhân sự của các Công ty Thành viên trong hệ thống SMC đã được chuyển sang Công ty Thiết bị tự động để làm việc, tiếp tục triển khai các bước tiếp theo trong kế hoạch xây dựng và phát triển Công ty.



Cơ cấu Nhân sự

Tính đến 31/12/2022, tổng số lượng nhân sự của SMC là 1399 lao động, tăng 67 nhân sự tương ứng tăng 5% so với năm 2021. Trong đó, lực lượng lao động được bổ sung chiếm phần lớn thuộc về đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đảm bảo được trình độ chuyên môn, kỹ thuật, ngoại ngữ... và phù hợp theo định hướng phát triển của hệ thống trong năm 2022.

Cơ cấu nhân sự hiện tại của SMC có sự đa dạng về độ tuổi, trong đó đội ngũ lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm 66.6%, đội ngũ lao động từ 33 đến 48 tuổi chiếm 29% trên tổng số lao động toàn hệ thống.

- Sự đa dạng về độ tuổi trong cơ cấu nhân sự góp phần mở rộng nguồn nhân tài và đa dạng cách thức, tư duy làm việc, gia tăng giá trị cho tổ chức. Đội ngũ nhân sự có nhiều cơ hội tương tác và học hỏi nhiều nguồn kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng khác nhau; xây dựng nên hệ thống kỹ năng đa dạng, hỗ trợ và hướng dẫn nhau trong công việc; song song với việc gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống vốn có của SMC là việc ứng dụng công nghệ - tư duy hiện đại mới nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.

- Đội ngũ nhân sự trẻ của SMC góp phần thúc đẩy sự phát triển của cơ cấu nhân sự theo xu hướng mới, nâng chất nguồn nhân lực, tạo sự cạnh tranh tích cực, tăng tính sáng tạo và đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của hệ thống.

Về trình độ chuyên môn của nhân sự hiện hữu: năm 2022, SMC sở hữu lực lượng nhân sự chất lượng với trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Bao gồm tỷ lệ nhân sự có trình độ đại học trở lên chiếm 24%, tỷ lệ nhân sự có trình độ trung cấp trở lên đạt 52%. Với đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn tốt, cùng với mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự hiện hữu, SMC khẳng định sẽ luôn đáp ứng nhanh, kịp thời, hiệu quả với các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện cải tiến và cải tiến liên tục, đáp ứng được tối đa nhu cầu phát triển của doanh nghiệp trong từng giai đoạn; khẳng định thương hiệu SMC trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG QUA TỪNG NĂM



Trong đó, tổng số lao động thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty Thành viên mà SMC sở hữu trên 50% cổ phần là: 1.182 lao động.

Cấu trúc lực lượng lao động phân theo loại lao động trong toàn hệ thống SMC



Thu nhập và phúc lợi của người lao động

Năm 2022 mặc dù gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng với những nỗ lực không ngừng của toàn thể CBCNV và Ban Lãnh đạo, SMC vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo được thu nhập của CBCNV trong hệ thống.

Trong năm 2022, đối với Khối Sản xuất tỷ lệ thu nhập trung bình tăng 5.3%, đối với Khối Văn phòng tỷ lệ thu nhập trung bình tăng 2.6% so với năm 2021. Mặc dù khó khăn, nhưng tập thể SMC vẫn được nhận thưởng cho hoạt động bán hàng quý I và quý II/2022, thưởng sản xuất, thưởng lương tháng 13, đảm bảo được đời sống vật chất của mọi người, động viên, khích lệ tinh thần làm việc, gắn bó và cống hiến của CBCNV trong toàn hệ thống SMC đặc biệt là trong giai đoạn này.

Chính sách phúc lợi cho CBCNV luôn là nội dung quan trọng được Ban Lãnh đạo quan tâm. Năm 2022, Công ty tổ chức hoạt động tham quan, nghỉ dưỡng cho toàn thể CBCNV trong hệ thống; các chính sách

chăm lo đời sống vật chất và tinh thần vẫn được duy trì: bảo hiểm tai nạn 24/24, hỗ trợ đi lại trong một số dịp lễ tết, hỗ trợ thu nhập thêm cho các trường hợp thai sản, ốm đau, hưu trí; tặng quà cuối năm...

Hệ thống các tổ chức đoàn thể của SMC từ Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức Đảng... hoạt động xuyên suốt từ Tổng Công ty đến các Công ty Thành viên, sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết. CBCNV SMC luôn được khuyến khích tham gia các tổ chức đoàn thể, tham gia các hoạt động thi đua, hoạt động thể thao, văn nghệ, giao lưu văn hóa trong nội bộ và với các Đơn vị bên ngoài. Kịp thời hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hỗ trợ gia đình CBCNV gặp thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn hoặc bị tai nạn lao động. Tạo điều kiện để CBCNV nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; góp phần gắn kết trực tiếp CBCNV với định hướng phát triển và thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu công việc theo kế hoạch.



Tuyển dụng, đào tạo, phát triển

Hoạt động tuyển dụng hệ thống SMC năm 2022 có nhiều thay đổi, do tình hình khó khăn nên từ quý III/2022, toàn hệ thống đã tạm ngưng tất cả các hoạt động tuyển dụng nhân sự mới, thay vào đó đẩy mạnh việc tuyển dụng nội bộ, sử dụng nguồn nhân sự sẵn có và thực hiện việc để bat, luân chuyển nhân sự giữa các đơn vị, đảm bảo đủ lực lượng nhân sự cả về số lượng lẫn chất lượng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng đơn vị. Bên cạnh đó, SMC vẫn chú trọng nhân tài và tuyển dụng một số vị trí đặc thù, đảm bảo đáp ứng đủ năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, ngoại ngữ để nắm giữ một số vị trí quan trọng theo định hướng phát triển của hệ thống.

Năm 2022 cũng là năm đánh dấu việc hợp tác mạnh mẽ giữa SMC và các trường Đại học Cao đẳng trong nước. Với việc ký kết thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng Tp.HCM, SMC cam kết đồng hành cùng nhà trường trong việc phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các nội dung hợp tác chuyên sâu giữa doanh nghiệp và nhà trường trong các lĩnh vực: tuyển dụng thực tập sinh (có hỗ trợ chi phí thực tập), kết hợp cùng Giảng viên và Sinh viên các trường thực hiện các chuyên đề có giá trị thực tiễn tại doanh nghiệp, tài trợ học bổng SMC dành cho Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và thành tích học tập tốt, các hoạt động thiện nguyện...

SMC luôn chú trọng việc đào tạo lực lượng nhân sự đa năng, đa nhiệm; đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ Cán bộ Quản lý - lực lượng nhân sự nòng cốt của hệ thống. Công tác đào tạo luôn được duy trì đều đặn trong năm, các khóa đào tạo liên tục được tổ chức theo kế hoạch: đào tạo hội nhập dành cho CBCNV mới gia nhập hệ thống; Khóa Chứng chỉ cấu trúc, Chứng chỉ An toàn; ISO; xây dựng - triển khai và đào tạo Bộ Quy chuẩn Tác phong Công nghiệp Khối sản xuất toàn hệ thống; đào tạo chuyên môn cho đội ngũ kinh doanh: sản phẩm, kỹ năng tương tác - giao tiếp khách hàng - giải quyết vấn đề; đào tạo Giảng viên nội bộ (TOT) dành cho CBQL từ cấp trung trở lên, đào tạo Quản lý cấp trung (MMM) dành cho CBQL cấp trung và nhân sự nguồn trong hệ thống; các khóa đào tạo về Quản lý chi phí, Cải tiến quá trình, dành riêng cho CBQL từ Sản xuất đến Văn phòng trên toàn hệ thống với những chủ đề thực tế và giải quyết các vấn đề thực tiễn tại từng đơn vị. Bên cạnh đó, Công ty Samsung - đối tác của SMC cũng thường xuyên tổ chức các chương trình kick-off, các Khóa đào tạo về chuyên



môn - ISO theo chương trình riêng và chỉ áp dụng đối với các công ty vendor của Samsung, nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức chuyên môn, nâng cao năng lực làm việc và nâng chất nguồn nhân lực.

Song song với việc tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực, SMC luôn quan tâm đến việc xem xét và để bat những cá nhân có năng lực, kinh nghiệm và trình độ phù hợp vào các vị trí cao hơn, tạo động lực và khích lệ CBCNV hăng say làm việc, phát huy tối đa năng lực của bản thân. Trong năm 2022, toàn hệ thống SMC đã tiến hành để bat 76 nhân sự và chính thức bổ nhiệm 60 nhân sự có đầy đủ tố chất và năng lực cần thiết để đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp trung, quản lý cấp cao. Đây là sự ghi nhận cho những nỗ lực và đóng góp của đội ngũ nhân sự trong hệ thống, là cơ sở xây dựng đội ngũ Nhân sự kế thừa cho các vị trí quản lý cấp cao, cùng đồng hành vì sự phát triển bền vững của hệ thống SMC.

Chiến lược sử dụng và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững hệ thống SMC

Chất lượng nguồn nhân lực giúp hệ thống SMC vận hành đúng hướng, đảm bảo tính tuân thủ - tính hệ thống và văn hóa SMC được thể hiện xuyên suốt từ Tổng Công ty đến các Công ty Thành viên; khẳng định bản sắc và vị thế riêng của SMC trên thị trường lao động. Năm 2023 sẽ có những thay đổi về định hướng quản trị nguồn nhân lực, thực hiện những thay đổi tích cực để nâng chất đội ngũ nhân sự trong hệ thống, hiện thực hóa được các mục tiêu mà Ban Lãnh đạo SMC đề ra. Cụ thể như sau:

Về Tuyển dụng: Xây dựng ngân hàng dữ liệu ứng viên cho tất cả các vị trí, đặc biệt lưu ý đối với các vị trí từ quản lý cấp trung. Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ công tác tuyển dụng tại các Công ty Thành viên. Tùy theo từng giai đoạn cụ thể sẽ tổ chức triển khai chương trình tuyển dụng tại các Trường Cao đẳng, Đại học theo thỏa thuận hợp tác phát triển nguồn nhân lực giữa SMC và các trường; cập nhật và đào tạo triển khai các phương thức tuyển dụng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng trong giai đoạn mới. Kế hoạch tuyển dụng của SMC trong năm 2023 sẽ được thực hiện linh động và uyển chuyển, tùy theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp để có chương trình và phương thức tuyển dụng phù hợp.

Về đào tạo phát triển: Trọng điểm trong công tác nhân sự năm 2023 của SMC là xây dựng đội ngũ kế thừa cho tất cả các vị trí quản lý từ cấp trung đến cấp cao; các nhân sự trong danh sách đội ngũ nhân sự kế thừa được đề xuất sẽ được giao nhiệm vụ - mục tiêu - kế hoạch hành động cụ thể và có đánh giá chi tiết, được tham gia các khóa đào tạo chuyên biệt nhằm nâng cao kỹ năng và năng lực chuyên môn, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu điều chuyển - để bat theo tình hình hoạt động Sản xuất Kinh doanh thực tế của toàn hệ thống và yêu cầu từ Ban Tổng Giám đốc SMC. Năm 2023, SMC cũng tập trung đào tạo đội ngũ nhân sự chất lượng, đa năng, đa nhiệm, năng động, có tinh thần cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong từng giai đoạn của hệ thống. Bên cạnh việc xem xét và tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực cho CBQL theo yêu cầu thực tế của doanh nghiệp, Phòng Nhân sự sẽ tổ chức thêm các

khóa đào tạo về kỹ năng mềm theo tiêu chuẩn của Bộ quy tắc Ứng xử SMC hàng tháng/ hàng quý với từng chủ đề thiết thực, liên quan trực tiếp đến công việc, hành vi giao tiếp, ứng xử của CBCNV tại nơi làm việc theo chuẩn văn hóa SMC.

Về chế độ chính sách cho người lao động: Năm 2023 tùy theo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, Phòng Nhân sự SMC sẽ chủ động linh hoạt xây dựng và triển khai các phương án lương, chính sách, chế độ đãi ngộ dành cho CBCNV trong từng giai đoạn cụ thể, nhằm đảm bảo sự hài hòa, phù hợp trong đội ngũ CBCNV; căn cứ trên vị trí đảm nhiệm, trách nhiệm công việc, khối lượng công việc phụ trách, thâm niên công tác, hiệu quả công việc; phù hợp với thị trường lao động hiện tại và đủ sức cạnh tranh. Sự linh hoạt trong việc điều chỉnh, xây dựng các quy chế chính sách về lương thưởng và phúc lợi tại SMC nhằm mục đích giữ được nguồn nhân sự chất lượng, tránh hiện tượng chảy máu chất xám. Đối với các nhân sự có thâm niên gắn bó tại SMC, những đóng góp và thành tích của CBCNV sẽ luôn được SMC ghi nhận và đảm bảo các chế độ đãi ngộ xứng đáng. Đây là cam kết mang tính bền vững và là động lực để các nhân sự mới nỗ lực hết mình trong công việc tại SMC.

Về môi trường làm việc: Năm 2023, SMC tiếp tục duy trì và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện theo cơ chế mở, các thông tin truyền thông luôn rõ ràng và minh bạch. SMC cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBCNV phát huy hết khả năng của mình trong công việc, gắn bó, đồng hành và phát triển bền vững cùng hệ thống.



3. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư

SMC tiếp tục thực hiện chuẩn mực công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động công bố thông tin luôn được cập nhật/phản hồi một cách rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị, đầu tư tài chính, sản xuất vận hành của SMC để nhà đầu tư,

đối tác, khách hàng có thể truy cập, kiểm tra và nắm bắt thông tin kịp thời. Công ty luôn công bố thông tin, cập nhật về hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo tháng, quý, năm một cách đầy đủ, cởi mở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu đối với kết quả hoạt động, kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

Cổ phiếu SMC

Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	736.785.870.000	Đồng
Số cổ phiếu đang lưu hành	73.606.837	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 30/12/2022)	712.471.936.290	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2022 (EPS)	(8.759)	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2022 (BPS)	23.481	Đồng
Biến động giá VN-Index trong năm 2022	-32,8%	
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2022	-71,8%	



Sau một năm 2021 thăng hoa, chỉ số VN Index tiếp tục duy trì ở đỉnh cao lịch sử trong 3 tháng đầu năm 2022. Môi trường lãi suất thấp trong nửa đầu năm 2022 cùng với kỳ vọng nền kinh tế phục hồi hậu đại dịch đã thu hút dòng tiền nhà đầu tư nội tham gia vào TTCK. Sau giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, TTCK đã tạo đỉnh và bước vào nhịp điều chỉnh kéo dài bắt đầu từ tháng 4, cùng với thời điểm đó là dư nợ cho vay margin toàn thị trường đang ở mức cao kỷ lục. Khi làn sóng bán giải chấp lan rộng, đã giảm của thị trường càng trở nên

khốc liệt hơn. Trong bối cảnh đó, liên tục xảy ra các sự kiện tiêu cực đối với các cá nhân và tập đoàn tư nhân lớn trong nước đòi hỏi cơ quan quản lý phải có những động thái quyết liệt để xử lý. Đồng thời, những khó khăn và hạn chế từ thị trường trái phiếu đã làm cho niềm tin của nhà đầu tư trên TTCK bị sụt giảm nghiêm trọng. Với những tác động tiêu cực trái chiều từ cả nội tại bên trong và yếu tố bên ngoài, TTCK Việt Nam đã trải qua năm 2022 với nhiều biến động mạnh. Kết thúc năm 2022, VN Index giảm gần 33% từ mức 1.498 điểm

khởi đầu năm xuống còn quanh 1.000 điểm vào cuối năm 2022, nằm trong top các thị trường giảm sâu mạnh nhất thế giới. Điểm nhấn tích cực của TTCK Việt Nam trong năm 2022 là hoạt động mua ròng của khối ngoại. Vốn ngoại tham gia thị trường mạnh mẽ đã góp phần hỗ trợ TTCK bớt giảm sâu và có các nhịp phục hồi nhẹ vào cuối năm 2022. Cũng như tình hình chung của thị trường, hầu hết các cổ phiếu thép trong năm 2022 đều bị thổi bay thành quả tăng giá trong năm trước đó khi mức giảm lên đến 70-80%. Xu hướng này bị ảnh hưởng bởi tình hình thị trường nói chung cũng như những yếu tố khó khăn của ngành thép nói riêng, làm cho hầu hết các doanh nghiệp thép đều ghi nhận các mức lỗ HKKD cao trong nửa cuối năm 2022. Cổ phiếu SMC đã có một năm giao dịch âm đạm với giá cổ phiếu giảm đến 72% so với mức giảm chung 33% của

VN-Index. Bước sang năm 2023, TTCK được kỳ vọng sẽ khởi sắc hơn với các tín hiệu vĩ mô trong và ngoài nước tích cực hơn. Cổ phiếu ngành thép cũng được kỳ vọng sẽ lạc quan hơn khi nhu cầu trong nước sẽ được hỗ trợ bởi giải ngân đầu tư công mạnh mẽ hơn vào năm 2023 nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Giá cổ phiếu thép trong những tháng đầu năm 2023 đã có những chuyển biến tích cực nhờ vào xu hướng phục hồi của giá thép thế giới sau khi Trung Quốc mở cửa trở lại. Trong ngắn hạn nhóm cổ phiếu thép vẫn đang phải chịu một số rủi ro về giá nguyên liệu đầu vào và nhu cầu tiêu thụ yếu, tuy nhiên hướng đến trung dài hạn, ngành thép đã bước qua chu kỳ xuống và có triển vọng tốt trong trung và dài hạn, đặc biệt khi thị trường BĐS quay trở lại.

Cổ tức và cổ phiếu

Trong năm 2022, CTCP Đầu tư Thương mại SMC đã hoàn tất việc chia cổ tức đợt cuối năm 2021 với tỷ lệ là 5% bằng tiền mặt và 20% bằng cổ phiếu.

- Số lượng chứng khoán trước khi thay đổi niêm yết là 60.994.691 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán thay đổi sau khi chia cổ tức bằng cổ phiếu và niêm yết bổ sung là 73.178.587 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán thay đổi sau khi niêm yết là 731.785.870.000 đồng

Trong năm 2022, SMC cũng đã hoàn tất việc phát hành 500.000 cổ phiếu ESOP.

- Số lượng chứng khoán thay đổi sau khi phát hành và niêm yết cổ phiếu ESOP là 73.678.587 cổ phiếu
- Giá trị chứng khoán thay đổi sau khi niêm yết là 736.785.870 đồng.

Đồng thời, do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 không thuận lợi và không đạt được kế hoạch đã đề ra, nên công ty đã không thể thực hiện việc tạm ứng/ chi trả cổ tức cho năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

Cơ cấu cổ đông

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2022:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Mua	Bán
Ông Nguyễn Bình Trọng	P.TGD	90.066	0,15	90.000	0,15	10.000	10.066
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	TV.HĐQT	3.203.767	5,25	3.003.767	4,92	-	200.000
Bà Nguyễn Ngọc Thắm	Người liên quan Cổ đông Nội Bộ	66.525	0,11	16.325	0,03	-	50.200

Thông tin cổ đông theo danh sách chốt ngày 20/03/2023:

Cơ cấu cổ đông

	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%	Số lượng CP	%
Tổng vốn chủ sở hữu	58.714.269	79,60	14.964.318	20,31	73.678.587	100,0
Cổ đông sáng lập (*)	10.824.866	14,69	0	0,0	10.824.866	14,69
Cổ đông sở hữu trên 5%	20.672.015	28,06	14.416.476	19,57	35.088.491	47,62
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	13.487.105	18,31	0	0,0	13.487.105	18,31
Cổ đông sở hữu dưới 1%	13.658.533	18,54	547.842	0,74	14.206.375	19,25
Cổ phiếu quỹ	71.750	0,12	0	0,00	71.750	0,13

(*) Cổ đông sáng lập đã bao gồm 01 cổ đông sở hữu trên 5% và 01 cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông đặc biệt

	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	30.053.181	111.300	30.053.181	40,79
Hội đồng quản trị	29.244.214	23.600	29.244.214	39,69
Ban Tổng giám đốc	737.428	46.500	737.428	1,00
Ban kiểm soát	42.849	29.300	42.849	0,06
Kế toán trưởng	28.690	11.900	28.690	0,04
Cổ đông nắm giữ >=5%	35.088.491	0	35.088.491	47,62
Hanwa Co. Ltd	14.416.476	0	14.416.476	19,57
Nguyễn Thị Ngọc Loan	10.490.194	0	10.490.194	14,24
Nguyễn Cẩm Vân	10.181.821	0	10.181.821	13,82
Cổ đông nước ngoài	14.964.318	0	14.964.318	20,31
Tổ chức	14.564.549	0	14.564.549	19,77
Cá nhân	399.769	0	399.769	0,54
Cổ phiếu quỹ	71.750	0	71.750	0,12

Danh sách chi tiết cổ đông chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	10.490.194	0	10.490.194	14,24
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	PCT HĐQT - PTGD	789.764	12.300	789.764	1,07
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	14.416.476	0	14.416.476	19,57
Nguyễn Hữu Kinh Luân	TV HĐQT	3.547.780	11.300	3.547.780	4,82
Vũ Anh Nguyên	TV HĐQT độc lập	0	0	0	0,0
Đặng Huy Hiệp	TGD	222.488	20.000	222.488	0,30
Nguyễn Bình Trọng	Phó TGD	133.000	13.000	133.000	0,18
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	334.672	0	334.672	0,45
Nguyễn Hồng Châu	Phó TGD	47.268	13.500	47.268	0,06
Võ Thị Tố Ngân	BKS	19.701	6.200	19.701	0,03
Đặng Thị Thu Trang	BKS	11.445	11.400	11.445	0,02
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	11.703	11.700	11.703	0,02
Nguyễn Văn Lâm	KTT	28.690	11.900	28.690	0,04
Tổng cộng		30.053.181	111.300	30.053.181	40,80

Thủ lao, chi phí của HĐQT và BKS

Trong năm 2022, do kết quả hoạt động SXKD không khả quan và không đạt được mục tiêu đã được ĐHCĐ thông qua, Công ty KHÔNG thực hiện chi trả thủ lao cho HĐQT, Ban lãnh đạo, và Ban kiểm soát.



4. Chia sẻ cùng Xã Hội - Chung tay cùng Cộng Đồng

Trong năm 2022, SMC với phương châm hoạt động "Hướng đến cộng đồng" đã thực hiện các chương trình sát cánh cùng Mặt trận tổ quốc và các Bệnh viện, nhân viên y tế tuyến đầu, tham gia quyên góp, ủng hộ phòng chống dịch, ủng hộ giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, thể hiện vai trò, trách nhiệm của Doanh nghiệp trong việc chung tay bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần cùng cả nước có thêm nguồn lực sớm ngăn chặn, đẩy lùi dịch bệnh:

- Đóng góp ủng hộ 100 triệu đồng cho Sở Y Tế tỉnh BRVT góp phần vào công tác phòng chống dịch

- Đóng góp ủng hộ 100 triệu đồng cho Phòng Y Tế thị xã Phú Mỹ góp phần hỗ trợ lực lượng tuyến đầu làm công tác phòng chống dịch
- Đóng góp ủng hộ 300 triệu đồng cho Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh BRVT góp phần vào "Quỹ Vì Người Nghèo"

Trong thời gian tới, SMC sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội, công tác từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi Công ty có văn phòng, các nhà máy đang hoạt động.

5. Phát triển bền vững

SMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức trước những thay đổi về kinh tế chính trị trong và ngoài nước, nhằm gia tăng giá trị đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường và khách hàng, và đảm bảo mục tiêu phát triển chiến lược của chính doanh nghiệp. Trong đó, Công ty tập trung vào việc đầu tư phát triển các hoạt động kinh doanh sắt thép cốt lõi, thực hiện mục tiêu tăng trưởng vững chắc và hoạt động ổn định có hiệu quả trong trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu về xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

Trải qua một chặng đường dài, SMC đã từng bước phát triển vững mạnh, tái cấu trúc và định hướng hoạt động hài hòa theo 3 nhóm lĩnh vực chính gồm Thương mại - Gia công - Sản xuất thép, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế - Xã hội - Môi trường luôn được quan tâm, đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.



Bảo vệ Môi trường

Thép là một ngành công nghiệp nặng, trong quá trình sản xuất đã tạo ra một lượng lớn các chất thải gây ô nhiễm môi trường và gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Do đó mỗi doanh nghiệp hoạt động trong ngành cần nâng cao ý thức và có những hành động tích cực nhằm đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường. Ý thức được vấn đề đó, SMC luôn đặc biệt quan tâm và nâng cao trách nhiệm đối với môi trường và con người trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của cơ quan quản lý đối với môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ gia công sản xuất thép hiện đại tiên tiến, sử dụng công nghệ ít tiêu tốn vật tư, nguyên nhiên liệu, kết hợp với biện pháp xử lý cuối nguồn để đảm bảo tối thiểu các tác động đến môi trường. Công ty cũng thường xuyên củng cố và nâng

cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân viên, về bảo vệ môi trường, để có những cập nhật, phản ứng và cách xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh nếu có, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cùng với việc tiếp tục duy trì và phát huy phương pháp 5S, SMC sẽ luôn phát huy các sáng kiến và ứng dụng cải tiến cho các hoạt động SXKD trong thời gian tới.

Từ năm 2020, SMC cũng đã chính thức phối hợp với đối tác để triển khai lắp đặt hệ thống năng lượng mặt trời áp mái, ứng dụng cho các khối văn phòng, nhà xưởng, nhà máy sản xuất của Công ty. Các nhà máy của Công ty đang được đặt ở KCN Phú Mỹ 1, BRVT là nơi có điều kiện lý tưởng cho việc lắp đặt và sử dụng điện năng lượng mặt trời vào hoạt động SXKD. Ứng dụng này đem đến nhiều lợi ích thiết thực cho doanh

nghiệp nói riêng và cho môi trường nói chung, như: không tạo ra khí nhà kính, không gây ô nhiễm nguồn nước, không tạo ra tiếng ồn trong quá trình sản xuất điện, không có tác động có hại đến môi trường sống và con người xung quanh, góp phần giảm tải tiêu hao điện năng sử dụng từ nhà cung cấp giúp doanh nghiệp giảm bớt chi phí, giúp làm mát hạ nhiệt cho khu vực nhà xưởng văn phòng được lắp đặt, cũng như làm giảm tác động của nhiệt đến hạ tầng nhà xưởng, văn phòng và cơ sở vật chất bên trong.

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, ít gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành.

- Về tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu/phế phẩm - SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cùng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của SMC là các đầu mẫu dây thép, cuộn thép, hoặc 2 biên của cuộn thép, xỉ kẽm, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy tái chế nguyên liệu.

- Về nước và khí thải - SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và kỹ hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý

đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

- Về tiếng ồn và độ rung - chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng về tiếng ồn và độ rung đến CBCNV làm việc trực tiếp và gián tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị trong dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

- Về tiêu hao điện năng, năng lượng - tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng và nhiên liệu trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Trong quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng, đảm bảo đầy đủ ánh sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tối đa tiêu hao điện năng. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm tiêu hao năng lượng, nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.



Năng lượng xanh - nhà máy LD Ống Thép Sendo

Tăng trưởng bền vững - Gia tăng giá trị

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa tích cực trong hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển thị trường mới, và nhất là tăng cường tham gia tích cực hơn và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến, sản xuất thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động sản xuất kinh doanh thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trong ngành với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thép với 35 năm kinh nghiệm trong ngành, có tổng sản lượng tiêu thụ thép ở mức lớn trong nước đạt hơn 1 triệu tấn thép; là doanh nghiệp thép nội địa có hệ thống Coil Center lớn và chất lượng ở Việt Nam; hoàn thiện dẫn chuỗi

sản xuất khép kín từ nguyên liệu thép cán nóng ra thành phẩm mạ và ống thép.

Đối mặt với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì hoạt động SXKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường, vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại giá trị và lợi ích lâu dài cho cổ đông và đối tác. Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



2022
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY THÀNH VIÊN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần /vốn góp của Công ty: Không có
 Công ty có trên 50% vốn cổ phần /vốn góp chủ chốt do Công ty nắm giữ gồm:

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính	Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	230 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Thương mại xuất khẩu Thép các loại, gia công Thép các loại, khai thác nguyên vật liệu Thép các loại cho hoạt động sản xuất gia công của hệ thống
Sản phẩm	Thép xây dựng, Thép lá, mạ các loại,...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2021	2022	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5.749,8	3.552,4	-38,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	222,3	42,3	-80,9%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.427,2	647,4	-54,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	974,9	302,7	-68,9%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	452,3	344,7	-23,8%

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, Phường Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	180 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Gia công, xử lý thép cuộn cán nóng, cán ép, tẩy rỉ, sản xuất thép lá mạ kẽm, công suất 350.000 tấn/năm
Sản phẩm	Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ kẽm



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2021	2022	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.428,7	7.037,5	-5,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	151,3	(107,9)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.722,7	1.645,8	-4,5%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.391,4	1.522,4	+9,4%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	331,3	123,4	-62,8%

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM

Vốn điều lệ 150 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu 100%

Hoạt động chính Coil Center - thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại, với tổng công suất 200.000 tấn/năm, chuyên cung cấp và gia công xà băng, cắt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, thép mạ... với độ chính xác và chất lượng cao.
Hệ thống cụm máy cán thanh La cung cấp sản phẩm phục vụ trong lĩnh vực gia công Cơ khí, nội ngoại thất, công trình giao thông...

Sản phẩm Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2021	2022	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.574,4	2.966,9	+15,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	186,0	(166,2)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	814,9	760,6	-6,7%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	478,9	640,9	+33,8%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	336,0	119,8	-64,3%

CÔNG TY TNHH MTV SMC ĐÀ NẴNG

Trụ sở chính Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hòa Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ 50 tỷ đồng

Tỷ lệ SMC sở hữu 100%

Hoạt động chính Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép các loại, có tổng công suất thiết kế 100.000 tấn/năm, chuyên cung cấp và gia công xà băng, cắt tấm các loại thép với độ chính xác cao theo yêu cầu riêng biệt của khách hàng.

Sản phẩm Kinh doanh và gia công thép cán nóng chính phẩm, cán nóng phi quy cách, PO tẩy gỉ, thép mạ kẽm, thép cán nguội ...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2021	2022	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	806,4	762,4	-5,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	42,1	(63,8)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	236,7	212,9	-10,1%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	137,9	177,9	+29,0%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	98,8	35,0	-64,6%

CÔNG TY TNHH GIA CÔNG THÉP SMC PHÚ MỸ

Trụ sở chính	Đường N7, KCN Phú Mỹ II, P. Tân Phước, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Vốn điều lệ	220 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center chuyên sản xuất kinh doanh các sản phẩm được gia công, cắt chặt, chế biến từ thép, tạo ra các sản phẩm phụ trợ phục vụ cho các ngành xây dựng, giao thông, điện, điện tử, điện lạnh, và hàng gia dụng, nội thất...
Sản phẩm	Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tẩy gỉ, thép lá mạ điện, thép lá mạ kẽm, thép lá mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.804,1
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(43,9)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	737,5
Nợ phải trả	Tỷ đồng	561,3
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	176,1

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SMC PHÚ MỸ

Trụ sở chính	Đường N7, KCN Phú Mỹ II, P. Tân Phước, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh BRVT
Vốn điều lệ	375 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Tham gia vào chuỗi cung ứng trong lĩnh vực thép chuyên gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, rèn dập ép cán kim loại, định hình sản phẩm, cung cấp nguyên liệu cho khách hàng là các nhà sản xuất ô tô, xe máy, điện, điện tử, điện gia dụng
Sản phẩm	Đang là vendor cấp 1 đột dập định hình sản phẩm thép cung cấp cho samsung Điện tử HCM cho sản xuất máy giặt, tivi, tủ lạnh, lò vi sóng...



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2022
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	135,9
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(15,9)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	459,6
Nợ phải trả	Tỷ đồng	124,8
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	334,7

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỚNG THÉP SENDO

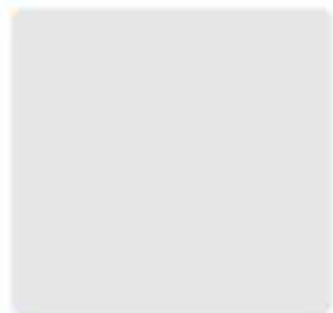
Trụ sở chính	Đường 1B - KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	176,2 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	75%
Hoạt động chính	Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép, công suất 250.000 tấn/năm
Sản phẩm	Ống thép đen và ống thép mạ kẽm các loại



Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2021	2022	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.401,1	3.648,5	+7,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	108,2	(291,4)	n.a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	913,0	761,3	-16,6%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	551,6	691,3	+25,3%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	361,3	70,0	-80,6%



Năng lượng xanh Nhà máy Cơ Khí Thép SMC



2022
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	75 - 79
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	80
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	82 - 85
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	86
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ HỢP NHẤT	87 - 88
6. BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	89 - 137

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 22/10/2022 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SMC Trading Investment Joint Stock Company.

Tên viết tắt: SMC J.S.C

Mã chứng khoán: SMC

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

Trụ sở chính: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có mười một (11) công ty Con, cụ thể như sau:

Công ty TNHH Thép SMC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500801878 ngày 26 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 12 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 230 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường 1B, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH MTV Thương mại SMC (trước đây là Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701117241 ngày 10 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 09 tháng 4 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ là 50 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường số 5, KCN Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500974084 ngày 26 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 180 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON (tt)

Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010805 ngày 03 tháng 7 năm 2009 và thay đổi lần đầu vào ngày 06 tháng 3 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 30 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Lô C5A Khu C, KCN Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401921255 ngày 04 tháng 9 năm 2018 và thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp, vốn điều lệ là 50 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.

Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312090619 ngày 18 tháng 12 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 150 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, p. Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 3502446040 ngày 19 tháng 01 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 375 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502446058 ngày 19 tháng 01 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09/11/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 220 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH Thiết bị - Tự động SMC Phú Mỹ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502473485 ngày 01 tháng 4 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 50 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ vốn.

Trụ sở hoạt động: Đường số 9, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH SMC Châu Đức ("SMC Châu Đức") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502479173 ngày 23 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 200 tỷ VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, SMC Châu Đức đang thực hiện các thủ tục ban đầu dự án và Công ty chưa thực hiện góp vốn vào SMC Châu Đức.

Trụ sở hoạt động: Đường Đ.02, KCN Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000274 cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2015 và thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 5 năm 2019 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 5 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502280821 ngày 11 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ là 176.201.485.313 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 75%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ 75% vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động: Đường 1A, KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tập đoàn được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên
Ông Vũ Anh Nguyên	Thành viên
Ông Kishimoto Hideki	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Võ Thị Tố Ngân	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (Bãi nhiệm ngày 01/10/2022)
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT
-------------------------	---------------

Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan đã ủy quyền cho Ông Đặng Huy Hiệp ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-SMC ngày 07 tháng 12 năm 2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC (gọi tắt là "MOORE AISIC") được chọn là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**ĐẶNG HUY HIỆP**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 3 năm 2023





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) – Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn – Website: www.aisc.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A0622371-HN/MOORE AISC-DN7

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SMC** (gọi tắt là "Công ty") và các **Công ty Con** (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023, từ trang 7 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

NGUYỄN VĂN TUYỀN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0111-2023-005-1
Thay mặt và đại diện

KIỂM TOÁN VIÊN

PHAN ĐỨC DANH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2080-2023-005-1

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TAI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.272.892.840.592	7.021.183.485.885
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	813.933.205.557	624.568.484.588
1. Tiền	111		230.149.809.578	276.568.484.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		583.783.395.979	348.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	686.685.571.204	703.805.703.430
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		686.685.571.204	703.805.703.430
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.931.915.215.236	2.858.123.810.709
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.705.293.426.922	2.473.068.819.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	217.950.189.260	366.757.621.033
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	7.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	52.010.270.947	60.416.903.479
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(50.338.671.893)	(42.127.033.465)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	7.500.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.564.776.614.788	2.544.487.868.635
1. Hàng tồn kho	141		1.663.486.214.608	2.663.157.835.649
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(98.709.599.820)	(118.669.967.014)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		275.582.233.807	290.197.618.523
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14a	11.972.241.904	7.820.878.488
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		262.065.076.092	280.873.613.828
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	1.544.915.811	1.503.126.207
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.056.201.115.238	1.984.595.425.460
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.560.367.742	30.660.969.370
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	20.491.137.042	20.841.137.042
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-

TAI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	40.560.367.742	30.660.969.370
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(20.491.137.042)	(20.841.137.042)
II. Tài sản cố định	220		1.218.665.989.264	998.812.055.135
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	740.501.293.482	648.373.972.428
- Nguyên giá	222		1.410.161.245.150	1.226.543.669.675
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(669.659.951.668)	(578.169.697.247)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	338.815.734.197	212.120.134.664
- Nguyên giá	225		448.551.154.660	282.779.475.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(109.735.420.463)	(70.659.340.993)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	139.348.961.585	138.317.948.043
- Nguyên giá	228		147.043.741.108	144.781.489.108
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.694.779.523)	(6.463.541.065)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	7.204.135.169	7.567.368.875
- Nguyên giá	231		9.080.842.650	9.080.842.650
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.876.707.481)	(1.513.473.775)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		95.486.249.644	320.039.275.656
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	95.486.249.644	320.039.275.656
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	301.293.267.159	328.305.374.739
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		136.159.962.159	139.450.419.739
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		165.473.070.097	165.473.070.097
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(25.339.765.097)	(1.618.115.097)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25.000.000.000	25.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		392.991.106.260	299.210.381.685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14b	378.503.943.418	276.472.579.198
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15a	14.487.162.842	22.737.802.487
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.329.093.955.830	9.005.778.911.345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.606.025.072.604	6.586.901.713.878
I. Nợ ngắn hạn	310		5.992.464.511.354	6.120.492.799.994
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.16	2.676.424.687.402	2.122.819.701.669
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	113.917.896.415	60.666.732.310
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	14.560.157.545	85.684.487.940
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	27.057.428.093	134.967.986.429
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20a	425.513.724	237.562.705.225
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	149.124.374.537	328.041.697.562
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	3.004.102.523.373	3.143.664.595.341
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.851.930.265	7.084.893.518
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		613.560.561.250	466.408.913.884
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20b	420.641.202	525.801.504
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22bcd	571.369.707.623	461.430.742.297
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.15b	41.770.212.425	4.452.370.083
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.723.068.883.226	2.418.877.197.467
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.723.068.883.226	2.418.877.197.467
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		736.785.870.000	609.946.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		736.785.870.000	609.946.910.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		253.132.567.160	253.132.567.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	682.710.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(717.500.000)	(717.500.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		372.822.448.820	384.510.005.831
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		343.601.547.426	1.081.035.918.581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		922.589.995.092	237.497.293.379
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(578.988.447.666)	843.538.625.202
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.443.949.820	90.286.585.895
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.329.093.955.830	9.005.778.911.345

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Lâm

Tổng Giám đốc



Đặng Huy Hiệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23.187.514.531.782	21.318.535.820.136
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.934.713.066	3.520.342.875
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	23.181.579.818.716	21.315.015.477.261
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.219.203.620.322	19.834.661.766.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ (lỗ) (20 = 10 - 11)	20		(37.623.801.606)	1.480.353.710.698
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	117.606.175.303	108.970.540.602
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	367.856.237.748	182.806.565.066
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		240.908.082.012	163.950.546.897
8. Phần lãi / (hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.850.204.250	36.606.232.591
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	209.785.898.048	219.066.075.994
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	123.433.305.078	127.199.563.622
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ (lỗ) (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		(615.242.862.927)	1.096.858.279.209
12. Thu nhập khác	31	VI.6	32.258.627.576	11.664.083.424
13. Chi phí khác	32	VI.7	7.945.272.319	8.733.448.658
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		24.313.355.257	2.930.634.766
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ (lỗ) (50 = 30 + 40)	50		(590.929.507.670)	1.099.788.913.975
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	15.333.094.084	201.297.932.881
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		45.568.481.987	(2.559.529.930)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ (lỗ) (60 = 50 - 51 - 52)	60		(651.831.083.741)	901.050.511.024
Cổ đông của Công ty mẹ	61		(578.988.447.666)	874.000.095.702
Cổ đông không kiểm soát	62		(72.842.636.075)	27.050.415.322
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(8.760)	14.124
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(8.760)	14.124

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Hào

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lâm

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc

Đặng Huy Hiệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(590.929.507.670)	1.099.788.913.975
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.8-11	134.020.042.650	96.221.359.331
- Các khoản dự phòng	03	VI.2,4,5b	11.622.921.234	86.304.934.089
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(10.075.126.527)	4.387.037.069
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73.058.843.884)	(82.675.354.585)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	240.908.082.012	164.616.961.036
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(287.512.432.185)	1.368.643.850.915
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(34.973.151.280)	(1.179.064.559.806)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		999.671.621.041	(858.154.341.053)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		59.569.525.638	336.413.432.937
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(6.684.744.064)	(101.768.422.308)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(239.567.065.999)	(156.923.514.808)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.18	(76.548.859.104)	(159.322.030.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(13.748.723.253)	(2.108.765.501)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		400.206.170.794	(752.284.349.693)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(160.212.638.274)	(538.636.322.392)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		74.373.014.838	970.953.140
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.332.099.902.833)	(1.075.304.061.301)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.343.749.126.572	938.171.211.644

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(38.362.500.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	21.967.010.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		71.170.624.660	54.861.766.769
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.019.775.037)	(636.331.942.140)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.1	14.856.459.580.103	13.642.439.473.838
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.2	(14.974.459.823.802)	(12.714.132.399.305)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(58.125.849.396)	(37.321.328.261)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.461.470.500)	(60.922.941.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(206.587.563.595)	830.062.805.272
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
(50 = 20+ 30 + 40)	50		190.598.832.162	(558.553.486.561)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		624.568.484.588	1.183.353.090.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.234.111.193)	(231.119.036)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	813.933.205.557	624.568.484.588
(70 = 50+60+61)				

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Hòa

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Lâm

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

Tổng Giám đốc



Đặng Huy Hiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 22/10/2022 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Trụ sở chính: 396 Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2022, tình hình kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng nặng nề của nền kinh tế vĩ mô, tình hình thế giới, cụ thể như sau:

- Khủng hoảng năng lượng từ chiến sự Nga - Ukraine dẫn đến giá nguyên vật liệu (than luyện cốc, ...) tăng mạnh;
- Thị trường bất động sản đóng băng vào cuối năm dẫn đến nhu cầu thép giảm sút;
- Tỷ giá VND/USD tăng mạnh liên tục trong năm và đột ngột đảo chiều giảm sâu vào cuối năm;
- Lãi suất vay tăng mạnh vào thời điểm cuối năm.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:

1.202 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.098 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn**7.1. Tổng số các công ty Con:**

Tập đoàn có mười một (11) công ty Con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có mười một (11) công ty Con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC Trụ sở hoạt động: Đường 1B, Khu CBN Phú Mỹ I, P. Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thương mại SMC Trụ sở hoạt động: Đường số 5, Khu CN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC Trụ sở hoạt động: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước Trụ sở hoạt động: Lô C5A Khu C, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng Trụ sở hoạt động: Đường số 2, KCN Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường N7, KCN Phú Mỹ II, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thiết bị - Tự động SMC Phú Mỹ Trụ sở hoạt động: Đường số 9, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100%	100%	100%

7.2. Danh sách các công ty Con được hợp nhất (tt)

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC Châu Đức Trụ sở hoạt động: Đường Đ.02, KCN Châu Đức, xã Suối Nghệ, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty TNHH Liên doanh Ống thép SENDO Trụ sở hoạt động: Đường 1A, Khu CN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Thương mại, dịch vụ và dịch vụ	75%	75%	75%

7.3. Danh sách các công ty liên kết, liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có ba (03) công ty liên kết, liên doanh, cụ thể như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC - Summit	50%	50%	50%
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	35%	35%	35%
Công ty TNHH SMC - Toami	25%	25%	25%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi số kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty Con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty Con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty Con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các công ty Con.

Các báo cáo tài chính của các công ty Con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty Con và Công ty.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty Con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty Con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua công ty Con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty Con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tập đoàn thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2022.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tập đoàn đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Khoản đầu tư mà Tập đoàn nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty Mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty Con).

Các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Tập đoàn chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Tài sản cố định (TSCĐ)**7.1 TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái

sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	04 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Chương trình phần mềm	03 - 20 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.	

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Tập đoàn không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tập đoàn đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Tập đoàn thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc 25 năm

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm chi phí bảo hiểm chờ phân bổ, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí thuê kho, chi phí thuê đất đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ

phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

14. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập dựa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Tập đoàn. Theo đó Tập đoàn thực hiện việc trích lập các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định (thông tư) của Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành và thay đổi theo từng thời điểm trong năm 2022.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí lương, thưởng; chi phí vận chuyển;... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Đối với chi phí lương, thưởng phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả chi được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán trong trường hợp Tập đoàn đã giao hàng hóa cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Tập đoàn sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

20. Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Do chưa chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai nên Tập đoàn đã không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Tập đoàn là 20%, riêng Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ và Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ là được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án đầu tư mới liên quan đến sản xuất thép cao cấp, thép hợp kim như sau: thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm kể từ khi có doanh thu; miễn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tính từ năm đầu tiên công ty này có phát sinh thu nhập chịu thuế từ dự án.

25. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

26. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

27. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

28. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tập đoàn tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền	230.149.809.578	276.568.484.588
Tiền mặt	579.071.597	355.154.333
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	229.570.737.981	276.213.330.255
Các khoản tương đương tiền	583.783.395.979	348.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	583.783.395.979	348.000.000.000
Cộng	813.933.205.557	624.568.484.588

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng được sử dụng để cầm cố nhằm đảm bảo một phần cho các khoản vay tại các ngân hàng: Xem thuyết minh V.22.

2. Các khoản đầu tư tài chính: (Xem trang 130 - 131).

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.705.293.426.922	(50.328.671.893)	2.473.068.819.662	(42.117.033.465)
Khách hàng trong nước	2.582.134.518.377	(50.328.671.893)	2.219.541.752.645	(42.117.033.465)
Nhà máy luyện Phôi Thép - Chi nhánh Công ty CP Thép Pomina	-	-	229.155.253.416	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tt)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	155.324.884.567	-	101.319.205.262	-
Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	440.796.852.909	-	347.073.348.380	-
Công ty CP Thép Trường Sơn	110.913.110.000	-	-	-
Công ty TNHH SX TM Cơ khí Hiếu Hạnh	200.850.486.679	-	-	-
Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley	169.260.183.239	-	49.320.471.112	-
Công ty TNHH The Forest City	131.505.957.524	-	56.141.529.378	-
Công ty TNHH VSSC Steel Center	-	-	50.795.796.413	-
Phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	102.856.022.049	-	54.035.117.860	-
Các khách hàng khác	1.270.627.021.410 (50.328.671.893)		1.331.701.030.824 (42.117.033.465)	
Khách hàng nước ngoài (5,346,708.81 USD)	123.158.908.545	-	253.527.067.017	-
Chip Mong Group Co., Ltd.	12.047.908.041	-	49.073.221.064	-
Isi Steel Co., Ltd.	-	-	84.741.699.988	-
HQ Co., Ltd.	34.551.287.200	-	-	-
Eoun Steel Co., Ltd.	45.253.339.125	-	51.310.593.481	-
Các khách hàng khác	31.306.374.179	-	68.401.552.484	-
Cộng	2.705.293.426.922 (50.328.671.893)		2.473.068.819.662 (42.117.033.465)	
b. Dài hạn	20.491.137.042 (20.491.137.042)		20.841.137.042 (20.841.137.042)	
Khách hàng trong nước	20.491.137.042 (20.491.137.042)		20.841.137.042 (20.841.137.042)	
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764 (16.731.432.764)		16.731.432.764 (16.731.432.764)	
Các khách hàng khác	3.759.704.278 (3.759.704.278)		4.109.704.278 (4.109.704.278)	
Cộng	2.725.784.563.964 (70.819.808.935)		2.493.909.956.704 (62.958.170.507)	

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	214.997.334.067 (10.000.000)		365.355.562.277 (10.000.000)	
Nhà cung cấp trong nước				
Công ty CP Thép Asean	15.499.999.900	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	43.157.310.118	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng K.N.G	93.852.588.000	-	-	-
Công ty CP Khoa Nhân Phát	14.527.728.000	-	-	-
Công ty CP Cấu trúc & Thiết bị AVCS	14.059.847.808	-	-	-
Công ty CP Đầu tư XD TM Tradeco	13.164.300.000	-	-	-
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	-	-	89.320.000.000	-
Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty CP Thép Pomina	4.352.231.120	-	242.156.095.720	-
Các đối tượng khác	16.383.329.121 (10.000.000)		33.879.466.557 (10.000.000)	
Nhà cung cấp nước ngoài (121,600.00 USD)	2.952.855.193	-	1.402.058.756	-
Hunan Xinchao Machinery Equipment Co., Ltd.	2.952.855.193	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	1.402.058.756	-
Cộng	217.950.189.260 (10.000.000)		366.757.621.033 (10.000.000)	

5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	52.010.270.947	-	60.416.903.479	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	11.347.857.352	-	8.880.883.927	-
Phải thu về khoản chiết khấu được hưởng	19.397.876.940	-	12.125.980.515	-
Thuế GTGT thuế tài chính chờ kết chuyển	13.177.565.283	-	2.594.602.323	-
Thuế GTGT để nghị hoàn	2.220.424.344	-	28.792.148.421	-
Phải thu là các bên liên quan	904.238.070	-	-	-
Các khoản tạm ứng	365.000.000	-	399.900.000	-
Ký quỹ, ký cược	3.893.291.500	-	4.251.340.000	-
Phải thu khác	704.017.458	-	3.372.048.293	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	40.560.367.742	-	30.660.969.370	-
Ký quỹ thuê tài chính	33.251.167.742	-	24.531.769.370	-
Các khoản ký quỹ khác	7.309.200.000	-	6.129.200.000	-
Cộng	92.570.638.689	-	91.077.872.849	-

(*) Trong đó, bao gồm khoản ký quỹ thuê tài chính có gốc ngoại tệ là 588,000.00 USD tương đương 13,765,080,000 VND

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH SMC - Toami (Bên liên quan)	7.000.000.000	-	-	-
Cộng	7.000.000.000	-	-	-

Khoản cho vay theo hợp đồng số 03-2022/SMCTOAMI-SMC ngày 12/9/2022 với tổng số tiền là 7 tỷ VND. Thời hạn: 362 ngày. Lãi suất vay: 6%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

7. Nợ xấu: (Xem trang 132)

8. Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	64.977.216.043	-	22.925.506.872	-
Nguyên liệu, vật liệu	507.112.373.472	(32.774.257.770)	1.297.155.007.838	(50.663.304.801)
Công cụ, dụng cụ	46.286.413.740	-	39.565.633.015	-
Chi phí sản xuất KD dở dang	595.081.281	-	-	-
Thành phẩm	523.255.637.652	(52.545.977.240)	767.230.409.905	(44.452.439.792)
Hàng hoá	521.259.492.420	(13.389.364.810)	536.281.278.019	(23.554.222.421)
Cộng	1.663.486.214.608	(98.709.599.820)	2.663.157.835.649	(118.669.967.014)

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay phải trả tại thời điểm cuối năm: xem thuyết minh số "V.22 - Vay và nợ thuê tài chính".

- Lý do dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do giá trị thuần có thể thực hiện được của một số mặt hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc.

9. Tài sản cố định hữu hình: (Xem trang 133)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	276.104.078.383	6.675.397.274	282.779.475.657
Tăng trong năm	173.429.911.801	-	173.429.911.801
Tăng khác	796.295.000	-	796.295.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.454.527.798)	-	(8.454.527.798)
Số dư cuối năm	441.875.757.386	6.675.397.274	448.551.154.660
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	67.984.610.324	2.674.730.669	70.659.340.993
Khấu hao trong năm	40.993.052.386	1.112.566.212	42.105.618.598
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.029.539.128)	-	(3.029.539.128)
Số dư cuối năm	105.948.123.582	3.787.296.881	109.735.420.463
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	208.119.468.059	4.000.666.605	212.120.134.664
Số dư cuối năm	335.927.633.804	2.888.100.393	338.815.734.197

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	10.504.659.341	144.781.489.108
Mua trong năm	-	2.262.252.000	2.262.252.000
Số dư cuối năm	134.276.829.767	12.766.911.341	147.043.741.108
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	6.463.541.065	6.463.541.065
Khấu hao trong năm	-	1.231.238.458	1.231.238.458
Số dư cuối năm	-	7.694.779.523	7.694.779.523
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	134.276.829.767	4.041.118.276	138.317.948.043
Số dư cuối năm	134.276.829.767	5.072.131.818	139.348.961.585

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp nhằm đảm bảo các khoản vay: 134.276.829.767 VND.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.886.433.816 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư cho thuê (Cơ sở hạ tầng) (*)**

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	9.080.842.650	-	-	9.080.842.650
Giá trị hao mòn lũy kế	1.513.473.775	363.233.706	-	1.876.707.481
Giá trị còn lại	7.567.368.875			7.204.135.169

(*) Mặt bằng kinh doanh thương mại tầng 2 - Dự án Linh Tây Tower, diện tích 616,2 m². Hiện tại, bất động sản này đang được cho thuê.

Tập đoàn chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2022, nên vẫn ghi nhận bất động sản đầu tư theo giá trị ghi sổ tại bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
Mua sắm tài sản cố định	37.143.064.872	70.102.287.474
Các khoản chi phí tư vấn, thiết kế dự án xây dựng nhà xưởng 5 ha	5.500.000.000	5.500.000.000
Công trình nhà máy, văn phòng Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ	-	101.588.269.172
Quyền sử dụng đất có thời hạn tại KCN Tân Tạo đến 17/6/2047	-	117.513.090.909
Chi phí xây dựng nhà xưởng, nhà kho, văn phòng tại Đà Nẵng và TP.HCM	52.071.328.295	18.272.727.273
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	771.856.477	7.062.900.828
Cộng	95.486.249.644	320.039.275.656

14. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	11.972.241.904	7.820.878.488
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	67.487.021	139.870.618
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.142.388.076	4.850.248.086
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	344.997.405	-
Chi phí chờ phân bổ khác	4.417.369.402	2.830.759.784
b. Chi phí trả trước dài hạn	378.503.943.418	276.472.579.198
Tiền thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	340.283.882.471	251.845.349.169
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	14.331.523.086	12.071.323.137
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	9.948.360.826	663.620.527
Chi phí chờ phân bổ khác	13.940.177.035	11.892.286.365
Cộng	390.476.185.322	284.293.457.686

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này

14. Chi phí trả trước (tt)

(*) Bao gồm	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí thuê đất tại KCN Đồng An, Thuận An, Bình Dương	1.365.847.507	1.426.102.070
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	39.622.766.702	41.037.865.512
Chi phí thuê đất tại đường số 2, KCN Hòa Cầm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng	24.264.974.999	25.035.291.666
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (**)	1.325.382.977	1.325.382.977
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ I (5 ha) tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	5.013.872.045	6.472.666.425
Chi phí thuê đất tại KCN Phú Mỹ II, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (***)	171.277.949.757	176.548.040.519
Chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (***)	97.413.088.484	-
Cộng	340.283.882.471	251.845.349.169

(**) Khoản trả trước tiền thuê đất tương ứng 12 tháng tiền thuê đất được miễn theo Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang chờ xử lý.

(***) Khoản chi phí thuê đất và chi phí nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất này đang là tài sản thế chấp cho các khoản vay (xem thuyết minh số "V.22 - Vay và nợ thuê tài chính").

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	12.291.604.770	11.092.513.612
- Lãi chưa thực hiện liên quan bán hàng trong cùng Tập đoàn	-	8.878.660.259
- Chi phí khấu hao	1.996.099.648	2.384.781.052
- Chi phí thuê nhà xưởng	190.662.317	220.217.101
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	8.796.107	161.630.463
Cộng	14.487.162.842	22.737.802.487
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
- Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	41.770.212.425	4.452.370.083
Cộng	41.770.212.425	4.452.370.083

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nhà cung cấp trong nước	2.144.057.780.246	2.144.057.780.246	1.427.356.544.426	1.427.356.544.426
Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	896.994.147.055	896.994.147.055	677.985.097.683	677.985.097.683
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	476.683.465.665	476.683.465.665	-	-
Tổng Công ty IDICO-CTCP	-	-	90.915.555.900	90.915.555.900
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	245.989.711.700	245.989.711.700	296.758.648.740	296.758.648.740
Các đối tượng khác	524.390.455.826	524.390.455.826	361.697.242.103	361.697.242.103
Nhà cung cấp nước ngoài (22,428,478.63 USD)	532.366.907.156	532.366.907.156	695.463.157.243	695.463.157.243
Sino Commodities International Pte Ltd.	129.016.463.076	129.016.463.076	-	-
China Steel Global Trading Corporation	76.610.076.516	76.610.076.516	106.757.082.581	106.757.082.581
Tata Steel Limited	-	-	225.011.294.687	225.011.294.687
Chichester Metals Pty Ltd.	-	-	121.255.831.292	121.255.831.292
Phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	112.810.017.337	112.810.017.337	-	-
Các đối tượng khác	213.930.350.227	213.930.350.227	242.438.948.683	242.438.948.683
Cộng	2.676.424.687.402	2.676.424.687.402	2.122.819.701.669	2.122.819.701.669

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Khách hàng trong nước	109.673.175.225	37.134.938.330
Công ty CP Đầu tư Địa ốc No Va	40.000.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Minh Hiến	18.046.600.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Nam	-	19.671.030.335
Công ty TNHH SMC Toami (Xem thuyết minh X.3)	51.229.600	92.000.000
Các đối tượng khác	51.575.345.625	17.371.907.995
Khách hàng nước ngoài (192,264.79 USD)	4.244.721.190	23.531.793.980
Australian Steel Traders Pte., Ltd.	-	12.200.404.294
Các khách hàng khác	4.244.721.190	11.331.389.686
Cộng	113.917.896.415	60.666.732.310

18. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn	28.987.259	-	-	28.987.259
Thuế TNDN nộp thừa	1.474.138.948	1.266.566.507	1.208.487.420	1.416.059.861
Thuế TNCN nộp thừa	-	-	99.868.691	99.868.691
Cộng	1.503.126.207	1.266.566.507	1.308.356.111	1.544.915.811
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	34.841.317.727	34.841.317.727	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	358.201.284.528	358.201.284.528	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.405.215.964	14.066.527.577	84.577.452.187	13.894.291.354
Thuế thu nhập cá nhân	1.230.724.608	11.487.110.665	12.051.969.082	665.866.191
Thuế nhà thầu	48.547.368	2.477.489.355	2.526.036.723	-
Thuế nhập khẩu	-	5.131.716.752	5.131.716.752	-
Các loại thuế khác	-	375.204.747	375.204.747	-
Cộng	85.684.487.940	426.580.651.351	497.704.981.746	14.560.157.545

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí lãi vay, thuê tài chính còn phải trả	5.764.015.472	5.429.229.832
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	8.295.870.514	8.100.553.205
Trích trước chi phí sản xuất tháng 12/2022	5.044.271.658	-
Chi phí lương phải trả	-	102.841.327.211
Thù lao HĐQT phải trả	2.260.505.110	15.750.000.000
Chi phí còn phải trả khác	5.692.765.339	2.846.876.181
Cộng	27.057.428.093	134.967.986.429

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn	425.513.724	237.562.705.225
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa		
- Công ty TNHH Delta - Valley Bình Thuận	-	133.244.577.080
- Công ty TNHH SMC - SUMMIT (Bên liên quan)	-	19.361.500.000
- Các khách hàng khác	425.513.724	84.956.628.145

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Doanh thu chưa thực hiện (tt)

	31/12/2022	01/01/2022
b. Dài hạn	420.641.202	525.801.504
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa	420.641.202	525.801.504
Cộng	846.154.926	238.088.506.729

21. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Kinh phí công đoàn	331.956.000	228.397.000
Khoản phải trả về việc thanh toán cho L/C Upas	148.448.327.461	327.530.000.000
Các khoản phải trả khác	344.091.076	283.300.562
Cộng	149.124.374.537	328.041.697.562

22. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	3.004.102.523.373	3.004.102.523.373	3.143.664.595.341	3.143.664.595.341
(1) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	548.844.872.269	548.844.872.269	402.599.557.346	402.599.557.346
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.163.009.746.667	1.163.009.746.667	1.425.634.355.404	1.425.634.355.404
(3) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	26.520.840.786	26.520.840.786	397.158.805.342	397.158.805.342
(4) Ngân hàng TNHH CTBC	82.137.859.231	82.137.859.231	157.775.317.834	157.775.317.834
(5) Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	161.260.972.627	161.260.972.627	309.775.873.753	309.775.873.753
Ngân hàng Sinopac	-	-	84.700.000.000	84.700.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM	-	-	70.432.216.770	70.432.216.770
(6) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	395.737.829.272	395.737.829.272	178.151.612.909	178.151.612.909
(7) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	70.000.000.000	70.000.000.000	43.366.064.568	43.366.064.568
(8) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	259.359.070.247	259.359.070.247	-	-
(9) Ngân hàng TMCP Quân Đội	156.636.023.436	156.636.023.436	-	-
(10) Ngân hàng TMCP Phương Đông	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-

TTO

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất là phần không thể tách rời của báo cáo này

22. Vay và nợ thuê tài chính (tt)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn (tt)				
(11) Vay cá nhân	290.000.000	290.000.000	18.620.000.000	18.620.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	90.305.308.838	90.305.308.838	55.450.791.415	55.450.791.415
b. Vay dài hạn	145.586.527.081	145.586.527.081	95.464.325.325	95.464.325.325
(12) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.531.285.760	1.531.285.760	7.631.285.760	7.631.285.760
(13) Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	67.383.333.331	67.383.333.331	1.000.000.000	1.000.000.000
(14) Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	93.203.193.750	93.203.193.750	99.416.740.000	99.416.740.000
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(16.531.285.760)	(16.531.285.760)	(12.583.700.435)	(12.583.700.435)
c. Nợ thuê tài chính dài hạn	115.145.554.289	115.145.554.289	56.968.184.651	56.968.184.651
(15) Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease	17.577.570.448	17.577.570.448	28.499.546.748	28.499.546.748
(16) Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	75.277.451.265	75.277.451.265	44.407.484.086	44.407.484.086
(17) Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	96.064.555.654	96.064.555.654	26.928.244.797	26.928.244.797
Nợ dài hạn đến hạn trả	(73.774.023.078)	(73.774.023.078)	(42.867.090.980)	(42.867.090.980)
d. Trái phiếu (theo mệnh giá)	310.637.626.253	310.637.626.253	308.998.232.321	308.998.232.321
(18) Bên liên quan	113.450.000.000	113.450.000.000	113.450.000.000	113.450.000.000
(19) Đối tượng khác	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(2.812.373.747)	(2.812.373.747)	(4.451.767.679)	(4.451.767.679)
Cộng	3.575.472.230.996	3.575.472.230.996	3.605.095.337.638	3.605.095.337.638

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:**a. Vay ngắn hạn****(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam** theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 0074/2275/N-CTD ngày 12/7/2022. Thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là quyền góp vốn vào Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH SMC-Summit, Công ty TNHH SMC Toami, Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo; Quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị của Công ty TNHH Thép SMC; các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 399.697.078.749 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Hợp đồng hạn mức số 01/250/TBN-KDN/22NH ngày 05/08/2022. Thời hạn vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và được bảo lãnh từ Công ty cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 149.147.793.520 VND.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 22.2030068/2022-HĐCVHM/NHCT900- ĐTTMSMC ngày 16/9/2022. Thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyền tài sản đối với phần vốn góp vào Công ty TNHH MTV Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 785.660.088.176 VND.

Hợp đồng tín dụng số 22.3810056/2022-HĐCVHM/NHCT900-THEPSMC ngày 01/8/2022 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 01/8/2022; mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; Tài sản đảm bảo: hàng tồn kho luân chuyển, quyền tài sản hình thành trong quá trình sản xuất kinh doanh và cam kết trả nợ thay từ Công ty cho Công ty THH Thép SMC. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 54.862.725.664 VND.

Hợp đồng tín dụng số 22.3810005/2022-HĐCVHM/NHCT900-CKSMC ngày 14/3/2022 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 14/3/2022; thời hạn vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu, hàng tồn kho, nhà xưởng, máy móc thiết bị, trái phiếu, các khoản tiền gửi có kỳ hạn và bảo lãnh của Công ty cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 225.254.969.762 VND.

Hợp đồng vay số 21.0540076/2021-HĐCVHM/NHCT900-SMCDANANG ngày 27/10/2021 và các văn bản sửa đổi bổ sung; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, công trình trên đất, máy móc thiết bị tại đường số 2, KCN Hòa Cẩm, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, cam kết trả nợ của Công ty cho Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng, các khoản phải thu và hàng tồn kho luân chuyển. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 31.838.625.000 VND.

Hợp đồng vay hạn mức số 21.2030074/2021-HĐCVHM/NHCT900-SMCTANTAO ngày 27/10/2021; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị, hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay và các khoản phải thu; các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cam kết trả nợ thay của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 65.393.338.065 VND.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cấp tín dụng số 74/2022/HĐTD ngày 17/11/2022. Thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 14.068.840.786 VND.

Hợp đồng tín dụng số 743/2022/HĐTD ngày 17/11/2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi của bên thứ 3 do Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam phát hành và cam kết trả nợ của Công ty cho Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 12.452.000.000 VND.

(4) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC theo hợp đồng cấp tín dụng số STVN2089/2090-21 ngày 18/01/2022; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty; Công ty TNHH Thép SMC; Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC cho Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 82.137.859.231 VND.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV220001335/1401 ngày 07/01/2022, thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 126.938.767.975 VND.

Hợp đồng tín dụng số LAV220046176/1401 ngày 30/5/2022. Tài sản đảm bảo: Tín chấp. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 9.249.134.349 VND và 1,056,597.99 USD tương đương 25.073.070.303 VND.

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thống Nhất theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/94681/HĐTD ngày 31/12/2021 và văn bản sửa đổi, bổ sung số 01/2021/94681/HĐTD-SDBS ngày 30/3/2022; thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 395.737.829.272 VND.

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) - Chi nhánh TP. HCM theo hợp đồng hạn mức số 190/2022/HDHM/VPB ngày 08/6/2022. Thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 70.000.000.000 VND.

(8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 536176022 ngày 25/4/2022. Thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 149.614.954.457 VND.

Hợp đồng hạn mức số 4135423.22 ngày 20/4/2022. Thời hạn vay tối đa 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và bảo lãnh từ Công ty cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 53.254.080.000 VND.

Hợp đồng vay hạn mức số 2463432.21 ngày 10/12/2021. Mục đích: vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay: 5 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc thiết bị tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 53, lô số 62-64, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân; hàng hóa hình thành từ vốn vay, cam kết trả nợ thay của Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 12.200.000.000 VND.

Hợp đồng vay số 3167042.22 ngày 09/5/2022; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi và cam kết trả nợ của Công ty cho Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 44.290.035.790 VND.

(9) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN. An Phú theo hợp đồng cấp tín dụng số 72867.21.151.813881.TD ngày 16/02/2022; thời hạn của mỗi khoản vay tối đa 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng số dư hợp đồng tiền gửi và hợp đồng cầm cố số dư hợp đồng tiền gửi. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 156.636.023.436 VND.

(10) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN. Vũng Tàu theo hợp đồng tín dụng số 0041/2022/HĐTD-OCB-DN ngày 13/12/2022 với hạn mức tín dụng là 130 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương; thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, phát hành L/C. Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tiết kiệm và quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng bảo đảm số 0009/2020/BĐ ngày 05/8/2020 và số 0018.01/2022/SĐBS-HĐBĐ-DN ngày 13/12/2022. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 50 tỷ VND.

(11) Khoản vay Cá nhân theo các hợp đồng vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động theo hình thức tín chấp; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay là 6%/năm. Tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 290.000.000 VND.

b. Vay dài hạn

(12) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM theo các hợp đồng tín dụng số 17.2380012/2017 - HĐDDA/NHCT900-THEPSMC ngày 13/02/2017 và sửa đổi bổ sung SDBS/NHCT900-THEPSMC; mục đích vay để tài trợ cho Dự án đầu tư xây dựng phân xưởng chế biến Tây - Ép - Mạ tại KCN Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Tài sản đảm bảo bao gồm: Nhà máy phân xưởng chế biến Tây - Ép - Mạ Thép, máy móc thiết bị của nhà máy phân xưởng chế biến Tây - Ép - Mạ Thép, công trình phụ trợ phân xưởng chế biến Tây - Ép - Mạ Thép, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty TNHH Thép SMC và Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC ngày 01/10/2016, quyền sử dụng đất thuê tại KCN Phú Mỹ I,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2022 là 1.531.285.760 VND, và cũng là nợ dài hạn đến hạn trả.

(13) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng cho vay hạn mức số 5791907.21 ngày 23/11/2021. Mục đích: thanh toán tiền đặt cọc mua tài sản; thời hạn vay: 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 783.333.329 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 200.000.000 VND.

Hợp đồng cho vay hạn mức số 7199992.22 ngày 06/6/2022; Mục đích: đáp ứng nhu cầu thanh toán/tái tài trợ nhận chuyển nhượng bất động sản; thời hạn vay: 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 53, lô số 62-64, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 66.600.000.002 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 14.800.000.000 VND.

(14) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp tín dụng số 2506/2021/HĐTD/HĐCV-SMCPHUMY ngày 25/6/2021; thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê lại đất tại KCN Phú Mỹ II và toàn bộ công trình trên đất thuê. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2022 là 93.203.193.750 VND, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 24.854.185.000 VND.

c. Nợ thuê tài chính dài hạn

(15) Nợ thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease bao gồm:

Hợp đồng thuê tài chính số B180903401 ngày 06/9/2018. Tài sản thuê là 1 ô tô tải và 2 ô tô tải (có cần cẩu) hiệu HINO. Lãi suất thuê tại ngày 31/12/2022 là 8,49%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 445.009.098 VND, cũng là nợ dài hạn đến hạn trả.

Hợp đồng thuê tài chính số C200339102 ngày 17/7/2020. Tài sản thuê là dây chuyền xả băng thép cuộn. Lãi suất thuê tại ngày 31/12/2022 là 9,45%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 4.111.692.750 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.591.623.000 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C210139202 ngày 29/01/2021. Tài sản thuê là Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại. Lãi suất thuê tại ngày 31/12/2022 là 9,65%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 648.325.600 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 204.734.400 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số B210445801 ngày 28/4/2021. Tài sản thuê là Xe ô tô tải hiệu Hino. Lãi suất thuê tại ngày 31/12/2022 là 9,65%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 1.179.900.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 307.800.000 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C220714302 ngày 29/9/2022. Tài sản thuê là Máy kiểm tra đặc tính cơ lý của vật liệu đồng. Lãi suất thuê tại ngày 31/12/2022 là 9,59%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 1.335.965.400 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 311.016.000 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số C211026802 ngày 03/11/2021 và phụ lục 01 ngày 03/11/2021, tài sản thuê là Dây chuyền sản xuất ống thép hàn. Lãi suất thuê là 7,94%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Giá trị mua lại tài sản thuê sau khi đáo hạn là 285.700.800 VND/toàn bộ sản phẩm. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 9.856.677.600 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 2.571.307.200 VND.

(16) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam bao gồm:

Hợp đồng thuê tài chính số 82.18.03/CTTC ngày 24/4/2018. Tài sản thuê là dây chuyền xả băng SL-1300-032. Lãi suất thuê tại ngày 31/12/2022 là 6,52%/năm. Số dư tại ngày 31/12/2022 là: 89,549 USD, tương đương 2.124.997.770 VND và cũng là nợ dài hạn đến hạn trả.

Hợp đồng thuê tài chính số 73.17.06/CTTC ngày 10/5/2017 và phụ lục hợp đồng 73.17.06/UTNK ký ngày 17/4/2018, tài sản dây chuyền máy cán nguội với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 3,45%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài Chính, giá mua lại 22.000.000 VND. Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 31.512,00 USD tương đương 747.779.760 VND, và cũng là nợ dài hạn đến hạn trả.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.18.01/CTTC ngày 05/02/2018, tài sản dây chuyền mạ kẽm với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4,0%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài Chính, giá mua lại 15.000.000 VND. Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 145.340,00 USD tương đương 3.448.918.200 VND, và cũng là nợ dài hạn đến hạn trả.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.20.13/CTTC ngày 09/12/2020, tài sản dây chuyền tẩy gỉ 850mm với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4,0%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài Chính, giá mua lại 15.557.400 VND. Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 8.663.829.402 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 31/12/2022 là 2.475.379.824 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 82.21.03/CTTC ngày 10/3/2021, tài sản hệ thống xử lý axit với thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất tại thời điểm thuê 4,0%/năm và thay đổi theo thông báo của Công ty Cho thuê Tài Chính, giá mua lại 11.500.000 VND. Tài sản đảm bảo: Được bảo lãnh bởi Công ty cho Công ty TNHH Thép SMC. Số dư tại ngày 31/12/2022 là 5.669.989.824 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả đến ngày 31/12/2022 là 2.267.995.932 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 54.22.05/CTTC ngày 04/4/2022 với tài sản thuê là Dây chuyền xả băng 0.3-3.0X850mm, xuất xứ Trung Quốc. Thời hạn thuê: 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính này được bảo lãnh bởi Công ty cho Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 4.504.750.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 900.950.004 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 54.22.06/CTTC ngày ngày 26/12/2022 với tài sản thuê là Cầu trục dầm đôi 15Tx-22,5/22,7m, xuất xứ: lắp ráp tại Việt Nam. Thời hạn thuê: 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính này được bảo lãnh Công ty cho Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 3.114.803.808 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 622.960.764 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số số 82.22.02/CTTC ngày 26/4/2022 với tài sản thuê là dây chuyền ép - chặn - dập liên hoàn, model 2021, mới 100%, xuất xứ Hàn Quốc. Lãi suất thuê: 7,9%/năm. Thời hạn thuê: 72 tháng. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 47.002.382.501 VND. Trong đó, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 8.812.946.724 VND.

(17) Nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng thuê tài chính số 2021-00035-000 ngày 17/5/2021. Tài sản thuê là Dây chuyền cắt. Lãi suất thuê: 6,01%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính này được bảo lãnh bởi Công ty cho Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 21.451.313.649 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 5.476.931.148 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 2021-00037-000 ngày 17/5/2021 với tài sản thuê là Dây chuyền cắt - RSH 3214, xuất xứ Trung Quốc. Thời hạn thuê: 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính này được bảo lãnh bởi Công ty cho Công ty TNHH Gia công Thép SMC Phú Mỹ. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 6.861.144.739 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.533.466.744 VND.

Hợp đồng thuê tài chính số 2021-00120-000 ngày 29/7/2021 với tài sản thuê là dây chuyền máy đột dập - model MC2-800 và máy đột dập kèm phụ kiện - model MC2-600 mới 100%, xuất xứ Hàn Quốc. Lãi suất thuê là 5,34%/năm. Thời hạn thuê: 60 tháng. Khoản nợ thuê tài chính này được bảo lãnh bởi Công ty cho Công ty TNHH Cơ khí Chính xác SMC Phú Mỹ. Số dư nợ thuê tài chính tại ngày 31/12/2022 là 2,855,124.20 USD tương đương 67.752.097.266 VND. Trong đó, nợ thuê tài chính đến hạn trả là 634,472.04 USD tương đương 15.056.021.510 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Trái phiếu (theo mệnh giá)

(18) Vào ngày 08/10/2021, Công ty đã phát hành 113.450 trái phiếu thường theo mệnh giá (1.000.000 VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 113.450.000.000 VND cho Bên liên quan (xem thuyết minh X.3) theo hợp đồng đặt mua trái phiếu số 578/2021/HĐMTP/SMCH2126002. Thời hạn: 05 năm. Lãi suất trái phiếu tại ngày 31/12/2022: 5,22%/năm. Mục đích: bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Kỳ tính lãi là 01 năm liên tục kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo: toàn bộ phần vốn góp (35% vốn điều lệ) của Công ty tại Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội.

(19) Vào ngày 02/8/2021, Công ty đã phát hành 200 trái phiếu thường theo mệnh giá (1 tỷ VND/trái phiếu) với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND cho Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam và Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam theo các hợp đồng đặt mua trái phiếu số 541/SMC_SSV và 542/SMC_SHBVN ngày 26/7/2021. Thời hạn: 03 năm. Lãi suất trái phiếu cố định: 8,2%/năm. Mục đích: bổ sung vốn lưu động. Kỳ tính lãi là 06 tháng/lần kể từ ngày phát hành. Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này gồm 9,1 triệu cổ phiếu của Công ty CP Thép Nam Kim và cổ phiếu của Công ty thuộc sở hữu của bên thứ ba (cổ đông Công ty) với số lượng đủ đáp ứng giá trị trái phiếu trên giá trị đảm bảo tối thiểu 60%.

23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:** (Xem trang 134)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2022	01/01/2022
Hanwa Co., Ltd.	19,57%	144.164.760.000	120.137.300.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	14,24%	104.901.940.000	87.418.290.000
Nguyễn Cẩm Vân	13,82%	101.818.210.000	84.848.510.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	4,78%	35.237.800.000	33.070.670.000
Các cổ đông khác	47,59%	350.663.160.000	284.472.140.000
Cộng	100%	736.785.870.000	609.946.910.000

c. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	31/12/2022	01/01/2022
Các thành viên góp vốn thuộc Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	17.443.949.820	90.286.585.895
Cộng	17.443.949.820	90.286.585.895

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	609.946.910.000	609.946.910.000
Vốn góp tăng trong năm	126.838.960.000	-
Vốn góp cuối năm	736.785.870.000	609.946.910.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	157.300.430.500	60.922.941.000

e. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.678.587	60.994.691
Cổ phiếu phổ thông	73.678.587	60.994.691
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(71.750)	(71.750)
Cổ phiếu phổ thông	(71.750)	(71.750)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.606.837	60.922.941
Cổ phiếu phổ thông	73.606.837	60.922.941
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ - USD	2.481.096,32	58.054.119.929	3.389,057.02	76.745.828.433
Cộng	2.481.096,32	58.054.119.929	3.389,057.02	76.745.828.433

	31/12/2022	01/01/2022
b. Các khoản nợ khó đòi đã xử lý	98.677.315.019	98.067.743.797
Cộng	98.677.315.019	98.067.743.797

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	31/12/2022	01/01/2022
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	23.050.256.075.304	21.236.527.955.470
Doanh thu cung cấp dịch vụ	102.403.165.848	64.325.521.747
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.482.810.253	1.463.229.364
Doanh thu bán phế liệu	33.372.480.377	16.219.113.555
Cộng doanh thu	23.187.514.531.782	21.318.535.820.136
Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	(3.966.380.240)	(3.506.306.459)
Giảm giá hàng bán	(1.968.332.826)	(14.036.416)
Cộng doanh thu thuần (*)	23.181.579.818.716	21.315.015.477.261

(*) Trong đó, bao gồm:

Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Xem thuyết minh X.3)	418.348.758.581	418.158.761.046
---	-----------------	-----------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	23.238.800.753.810	19.716.701.141.958
Giá vốn cho thuê bất động sản	363.233.706	363.233.706
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.960.367.194)	117.597.390.899
Cộng	23.219.203.620.322	19.834.661.766.563

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, lãi kỳ quỹ, trái phiếu và lãi cho vay	58.324.116.384	43.748.431.691
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.687.150.442	56.827.711.972
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	10.075.126.527	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	8.645.162.770	5.180.434.311
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	-	2.874.279.920
Doanh thu tài chính khác	-	1.245.129.282
Cộng	117.606.175.303	108.970.540.602

4. Chi phí tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính, lãi trái phiếu	239.268.688.080	163.950.546.897
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	23.721.650.000	(17.188.055.247)
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	4.387.037.069
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.749.384.930	2.550.906.125
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	188.350.000
Chi phí phát hành trái phiếu	1.639.393.932	666.414.139
Chi phí tài chính khác	48.477.120.806	28.251.366.083
Cộng	367.856.237.748	182.806.565.066

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	36.476.796.006	30.279.904.188
Quỹ lương dự phòng và thưởng (hoàn nhập)	(9.977.778.806)	16.635.814.053
Chi phí đồ dùng văn phòng	752.729.997	478.491.737
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.765.225.658	4.918.988.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.386.300.989	158.230.786.991
- Chi phí vận chuyển	131.857.469.938	126.698.184.483
- Chi phí khác	32.528.831.051	31.532.602.508
Chi phí bằng tiền khác	12.382.624.204	8.522.090.077
Cộng	209.785.898.048	219.066.075.994

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)	Năm 2022	Năm 2021
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	40.141.963.167	36.649.634.744
Quỹ lương dự phòng và thưởng (hoàn nhập)	(18.392.605.228)	22.389.015.010
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	2.324.652.767	2.492.918.870
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.526.775.540	8.896.627.197
Thuế, phí, lệ phí	159.040.681	22.660.000
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	7.861.638.428	(14.104.401.563)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.263.996.242	43.801.553.478
Chi phí bằng tiền khác	16.547.843.481	27.051.555.886
Cộng	123.433.305.078	127.199.563.622

6. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	323.410.925	-
Thu nhập do hoàn thuế xuất nhập khẩu	12.567.194.165	890.383.072
Thu nhập từ nhận bồi thường, thu chậm thanh toán, thu lãi quá hạn	5.830.547.707	4.933.445.383
Thu nhập do nhượng bán công cụ tự chế tạo, sửa chữa tài sản	335.925.306	-
Thu nhập do hoàn nhập thù lao HĐQT năm 2021	4.484.242.335	-
Thu nhập từ nhận hỗ trợ chi phí bán hàng	3.711.675.699	-
Thu nhập từ việc cho thuê tài sản thuế tài chính	3.053.230.556	3.237.758.333
Thu nhập khác	1.952.400.883	2.602.496.636
Cộng	32.258.627.576	11.664.083.424

7. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí phạt liên quan đến thuế	229.892.590	2.556.336.199
Chi phí khấu hao tài sản thuế tài chính cho thuê	2.422.253.367	2.422.253.367
Chi phí thuế đất liên quan đến dự án "Nhà máy thép công nghiệp phụ trợ SMC"	2.493.786.595	-
Chi phí chế tạo công cụ đã nhượng bán	287.258.000	-
Lỗ thanh lý TSCĐ	16.148.500	4.949.496
Chi phí phạt chậm thanh toán	399.491.603	930.910.160
Chi phí khác	2.096.441.664	2.818.999.436
Cộng	7.945.272.319	8.733.448.658

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.395.615.282.117	2.792.717.459.581
Chi phí nhân công	151.210.120.698	241.370.685.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	130.984.737.299	98.101.348.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.006.112.827.506	885.893.725.299
Chi phí khác bằng tiền	36.634.097.391	10.571.034.665
Cộng	4.720.557.065.011	4.028.654.253.445

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành phát sinh tại các công ty:		
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	1.421.973.624	43.393.037.192
Công ty TNHH Thép SMC	11.313.426.160	56.942.979.558
Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC	977.978.607	34.032.376.517
Công ty TNHH MTV SMC Đà Nẵng	353.149.186	10.520.016.783
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	-	44.452.976.906
Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo	1.266.566.507	11.956.545.925
Cộng	15.333.094.084	201.297.932.881

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(651.831.083.741)	901.050.511.024
Trong đó:		
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>(72.842.636.075)</i>	<i>27.050.415.322</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	<i>(578.988.447.666)</i>	<i>874.000.095.702</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(13.515.760.000)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>-</i>	<i>(13.515.760.000)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ (*)	(578.988.447.666)	860.484.335.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	66.096.783	60.922.941
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.760)	14.124

(*): Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định hiện hành. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2022 sẽ được điều chỉnh và trình bày lại sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua phương án phân phối lợi nhuận.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(578.988.447.666)	860.484.335.702
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	(578.988.447.666)	860.484.335.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	66.096.783	60.922.941
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	66.096.783	60.922.941
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(8.760)	14.124

VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm 2022	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
VND	+100	(20.765.128.081)
VND	-100	20.765.128.081
USD	+100	266.593.539
USD	-100	(266.593.539)
Năm 2021	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
VND	+100	(23.045.940.352)
VND	-100	23.045.940.352
USD	+100	528.728.856
USD	-100	(528.728.856)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt và các khoản tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm 2022	+ 1%	(3.825.486.447)
	- 1%	3.825.486.447
Năm 2021	+ 1%	(3.890.632.047)
	- 1%	3.890.632.047

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên sàn Upcom của Tập đoàn là 101.770.805.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 125.492.455.000 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 10.177.080.500 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 10.177.080.500 VND.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Quá hạn bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
>181 ngày	98.231.073.367
Tổng cộng giá trị ghi số	98.231.073.367
Dự phòng giảm giá trị	(70.829.808.935)
Giá trị thuần	27.401.264.432
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
>181 ngày	80.980.241.306
Tổng cộng giá trị ghi số	80.980.241.306
Dự phòng giảm giá trị	(62.968.170.507)
Giá trị thuần	18.012.070.799

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	3.004.102.523.373	571.369.707.623	-	3.575.472.230.996
Phải trả người bán	2.676.424.687.402	-	-	2.676.424.687.402
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	175.849.846.630	-	-	175.849.846.630
Cộng	5.856.377.057.405	571.369.707.623	-	6.427.746.765.028

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay và nợ	3.143.664.595.341	461.430.742.297	-	3.605.095.337.638
Phải trả người bán	2.122.819.701.669	-	-	2.122.819.701.669
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	462.781.286.991	-	-	462.781.286.991
Cộng	5.729.265.584.001	461.430.742.297	-	6.190.696.326.298

Rủi ro thanh khoản là cao. Tập đoàn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng tài sản cố định, quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, hàng tồn kho và quyền góp vốn làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 22 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty đã sử dụng tài sản của bên thứ ba làm tài sản thế chấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: (Xem trang 135).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoài các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.856.459.580.103	13.642.439.473.838

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm	Năm 2022	Năm 2021
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	14.974.459.823.802	12.714.132.399.305

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Công ty cam kết bảo lãnh, không hủy ngang và vô điều kiện đối với toàn bộ số tiền vay mà các công ty Con vay từ các ngân hàng.

Đối với khoản phải thu từ Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Vạn Phú (35.336.394.237 VND) được bảo lãnh bởi Ngân hàng TMCP Quân đội: Công ty đang khởi kiện vụ việc này để yêu cầu bên Bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Đối với các khoản phải thu từ: Công ty CP Tập Đoàn xây dựng Hòa Bình, Công ty CP Hưng Thịnh INCONS, từ các công ty thành viên của Công ty CP Đầu tư Địa ốc NOVA: Mặc dù các doanh nghiệp này đang có những khó khăn nhất định, Công ty tin tưởng về khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu này.

Theo đánh giá của Tập đoàn, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng và cam kết nào có ảnh hưởng trọng yếu mà cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Nhận định được các khó khăn hiện tại, Tập đoàn luôn nỗ lực và linh hoạt đưa ra những giải pháp để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh như duy trì tồn kho ở định mức hợp lý, sử dụng nguồn tiền gửi có kỳ hạn, đẩy mạnh hoạt động bán lẻ và xuất khẩu, cũng như khai thác có hiệu quả lĩnh vực sản xuất gia công để hỗ trợ cho hoạt động thương mại có thể đang còn khó khăn.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan**a. Các bên liên quan**

Công ty TNHH Hanwa Việt Nam
Công ty TNHH SMC - Summit
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội
Công ty TNHH SMC - Toami
Hanwa Co., Ltd.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan

Mối quan hệ

Công ty con của nhà đầu tư
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Nhà đầu tư
Chủ tịch HĐQT

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tt)**a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Anh Nguyễn	Thành viên HĐQT
Ông Kishimoto Hideki	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Huy Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Trương Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Lâm	Kế toán trưởng

b. Trong năm, Tập đoàn có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Công ty TNHH SMC - Summit	399.352.684.340	384.683.023.380
Công ty TNHH SMC - Toami	525.306.852	352.108.000
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	3.420.105.000	3.647.644.000
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	15.050.662.389	29.475.985.666
Cộng	418.348.758.581	418.158.761.046
Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Công ty TNHH SMC - Summit	342.181.818	307.893.940
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	3.060.230.556	3.246.800.000
Cộng	3.402.412.374	3.554.693.940
Doanh thu tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	1.821.122.428	1.010.633.027
Mua hàng hóa và nhận cung cấp dịch vụ	Năm 2022	Năm 2021
Công ty TNHH SMC - Summit	564.540.800.632	312.278.306.540
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	-	4.033.410.000
Công ty TNHH SMC - Toami	786.988.713	1.261.351.614
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	645.748.716.550	693.216.821.949
Hanwa Co., Ltd.	113.097.583.876	-
Cộng	1.324.174.089.771	1.010.789.890.103

Chi phí tài chính (lãi vay trái phiếu)	Năm 2022	Năm 2021
Hanwa Co., Ltd.	5.890.603.740	1.315.895.671

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH SMC - Toami	7.000.000.000	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH SMC - Summit	49.300.927.343	1.089.405.515
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	267.852.000	290.051.666
Công ty TNHH SMC - Toami	15.181.901	-
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	1.843.981.747	1.227.581.621
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan (*)	51.428.079.058	51.428.079.058
Cộng	102.856.022.049	54.035.117.860

(*) Giá trị khoản phải thu từ Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 15 tháng 5 năm 2020. Theo thỏa thuận giữa các bên, Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan cam kết sẽ thanh toán công nợ này ngay sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên tại thời điểm được các bên xác định là phù hợp theo nguyên tắc cao nhất và tốt nhất về lợi ích kinh tế (lợi nhuận thuần) thu được từ giao dịch này cho Tập đoàn.

Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	513.389.585	239.495.213
Công ty TNHH SMC - Summit	390.848.485	-
Cộng	904.238.070	239.495.213

Phải thu khách hàng dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	3.609.704.278	3.609.704.278

Phải trả người bán	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH SMC - Summit	138.319.351.572	16.762.000.000
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	-	1.999.231.500
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	107.670.360.128	277.997.417.240
Hanwa Co., Ltd.	112.810.017.337	-
Cộng	245.989.711.700	296.758.648.740

Người mua trả tiền trước	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH SMC - Toami	51.229.600	92.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có số dư với các bên liên quan (tt) như sau:

Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
Hanwa Co., Ltd.	1.511.212.980	1.315.895.671
Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH SMC - Summit	-	19.361.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
Hanwa Co., Ltd.	113.450.000.000	113.450.000.000
+ Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban điều hành	Năm 2022	Năm 2021
Hội đồng quản trị (*)	5.987.401.902	5.086.421.275
Ban Kiểm soát (**)	2.818.934.815	2.297.284.226
Ban Tổng Giám đốc (***)	7.679.358.808	6.078.692.597
Cộng	16.485.695.525	13.462.398.098
(*) Chi tiết thu nhập của Hội đồng quản trị:	Năm 2022	Năm 2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	2.750.825.715	1.820.704.796
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	1.768.751.298	1.355.606.842
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	867.824.889	980.109.637
Ông Vũ Anh Nguyên	300.000.000	150.000.000
Ông Kishimoto Hideki	300.000.000	150.000.000
Ông Võ Hoàng Vũ	-	250.000.000
Ông Ma Đức Tú	-	190.000.000
Ông Nakajima Junichi	-	190.000.000
Cộng	5.987.401.902	5.086.421.275
(*) Chi tiết thu nhập của Ban Kiểm soát:	Năm 2022	Năm 2021
Bà Võ Thị Tố Ngân	630.508.556	556.535.556
Bà Lê Thị Cẩm Tú	1.114.536.999	881.740.532
Bà Đặng Thị Thu Trang	1.073.889.260	859.008.138
Cộng	2.818.934.815	2.297.284.226
(*) Chi tiết thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:	Năm 2022	Năm 2021
Ông Đặng Huy Hiệp	2.456.701.666	1.600.977.777
Ông Trương Văn Minh	1.118.216.154	1.067.074.800
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	1.824.281.332	1.357.357.778
Ông Nguyễn Văn Tiến	847.561.114	867.522.754
Ông Nguyễn Bình Trọng	1.432.598.542	1.185.759.488
Cộng	7.679.358.808	6.078.692.597

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (Xem trang 136-137).**5. Thông tin so sánh**

Một số chỉ tiêu so sánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được trình bày lại, không làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động kinh doanh.

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2021	Chênh lệch
	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Khoản mục "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" Mã số 70	14.346	14.124	222
Khoản mục "Lãi suy giảm trên cổ phiếu" Mã số 71	14.346	14.124	222

Mục VI.1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	20.809.442.806.952	21.236.527.955.470	(427.085.148.518)
Doanh thu cung cấp dịch vụ	491.410.670.265	64.325.521.747	427.085.148.518

Mục VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.934.875.440	885.893.725.299	(452.958.849.859)
---------------------------	-----------------	-----------------	-------------------

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Tập đoàn vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thanh Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lâm

Tổng Giám đốc



Đặng Huy Hiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	01/01/2022
a. Ngắn hạn	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị ghi số	Giá trị ghi số
	686.685.571.204	703.805.703.430
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng (*)	686.685.571.204	703.805.703.430
b. Dài hạn	25.000.000.000	25.000.000.000
- Trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 06 - 10 năm (lãi suất: 6,23% - 8,4%/năm)	25.000.000.000	25.000.000.000
Cộng	711.685.571.204	728.805.703.430

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng, với lãi suất từ 3% đến 9,5%/năm, dùng để cầm cố/thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng; thuyết minh V.22.

2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Giá gốc
	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết	Phần sở hữu (lãi (lỗ)) trong công ty liên kết
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	103.015.255.066	103.015.255.066
Công ty TNHH SMC - Summit (**)	41.640.000.000	41.640.000.000
Công ty TNHH Hanwa SMC Steel Service Hà Nội	45.440.755.066	45.440.755.066
Công ty TNHH SMC - Toami (**)	15.934.500.000	15.934.500.000
	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tt)

	31/12/2022	01/01/2022
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	165.473.070.097	165.473.070.097
Chứng khoán đã niêm yết	(25.339.765.097)	(1.618.115.097)
Công ty CP Thép Pomina (POM)	23.578.570.097	23.578.570.097
Công ty CP Thép Nam Kim (NKG)	89.532.000.000	89.532.000.000
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM		
Công ty CP Thép Tám lá Thống Nhất (TNS)	14.000.000.000	14.000.000.000
Các công ty khác		
Công ty TNHH VSSC Steel Center (***)	38.362.500.000	38.362.500.000
Cộng	268.488.325.163	268.488.325.163
	276.293.267.159	303.305.374.739

(**) Quyền góp vốn vào các công ty này đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn: Xem thuyết minh V.22.

Ngoài ra, Tập đoàn đã dùng 1.400.000 cổ phần thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn tại Công ty CP Thép Pomina thế chấp cho Công ty TNHH TM & SX Thép Việt để bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán cho hợp đồng nguyên tắc số 032/HDDCP-23N ký ngày 02/01/2023, thời hạn 01 năm, với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 250 tỷ VND.

(***) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502447502 ngày 22/02/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH VSSC Steel Center là 255.750.000.000 VND. Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty đã góp 38.362.500.000 VND, chiếm 15% vốn điều lệ. Công ty TNHH VSSC Steel Center đang trong quá trình thành lập và triển khai hoạt động SXKD, và khoản lỗ trong hoạt động năm trong kế hoạch SXKD của công ty này.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị có lợi ích công cộng đang giao dịch trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa số theo giá trị tương có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty chưa đại chúng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị ghi sổ dựa theo phương pháp vốn chủ sở hữu hoặc bằng giá trị sổ sách dựa theo phương pháp giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	98.231.073.367	27.401.264.432	80.980.241.306	18.012.070.799
Công ty TNHH MTV VLXD CII E&C	4.567.073.055	-	4.567.073.055	-
Công ty CP BETON 6	11.603.913.165	-	11.603.913.165	-
Các đối tượng khác	4.792.704.849	-	1.476.994.341	-
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	16.731.432.764	-	16.731.432.764	-
Các đối tượng khác	7.222.780.503	-	7.569.427.263	-
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc	22.458.123.987	6.737.437.195	22.458.123.987	6.737.437.195
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	26.831.523.592	18.782.066.511	15.396.626.470	10.777.638.526
Các đối tượng khác	4.023.521.452	1.881.760.726	1.176.650.261	496.995.078

Giá trị có thể thu hồi đang được trình bày là phần giá trị thuần các khoản nợ phải thu chưa lập dự phòng do chưa vượt khoảng thời gian quá hạn như quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V.9 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý tài sản	Tổng cộng
Số dư đầu năm	527.751.271.482	535.381.652.717	141.263.444.586	22.147.300.890	1.226.543.669.675
Mua trong năm	810.700.000	110.606.498.358	20.052.006.972	2.080.098.300	133.549.303.630
Đầu tư XDCB hoàn thành	142.036.135.966	-	-	-	142.036.135.966
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuế tài chính	-	8.454.527.798	-	-	8.454.527.798
Thanh lý, nhượng bán	-	(93.917.173.772)	(6.393.350.637)	(111.867.510)	(100.422.391.919)
Số dư cuối năm	670.598.107.448	560.525.505.101	154.922.100.921	24.115.531.680	1.410.161.245.150

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	142.689.042.882	329.590.486.767	85.553.591.139	20.336.576.459	578.169.697.247
Khấu hao trong năm	31.321.749.310	46.220.172.888	11.527.568.966	1.250.460.724	90.319.951.888
Tăng do chuyển từ TSCĐ thuế tài chính	-	3.029.539.128	-	-	3.029.539.128
Thanh lý, nhượng bán KH	-	(727.879.588)	(1.019.489.497)	(111.867.510)	(1.859.236.595)
Số dư cuối năm	174.010.792.192	378.112.319.195	96.061.670.608	21.475.169.673	669.659.951.668

Giá trị còn lại	385.062.228.600	205.791.165.950	55.709.853.447	1.810.724.431	648.373.972.428
Số dư đầu năm	385.062.228.600	205.791.165.950	55.709.853.447	1.810.724.431	648.373.972.428
Số dư cuối năm	496.587.315.256	182.413.185.906	58.860.430.313	2.640.362.007	740.501.293.482

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 138.710.572.380 VND.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 322.749.179.339 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.23. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021								
Số dư tại ngày 01/01/2021	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	273.499.879.041	63.236.170.573	1.584.290.742.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	874.000.095.702	-	874.000.095.702
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	-	-	-	(4.591.115.162)	-	(4.591.115.162)
Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Chi thủ lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(950.000.000)	-	(950.000.000)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	27.050.415.322	27.050.415.322
Số dư tại ngày 31/12/2021	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	1.081.035.918.581	90.286.585.895	2.418.877.197.467
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Số dư tại ngày 01/01/2022	609.946.910.000	253.132.567.160	682.710.000	(717.500.000)	384.510.005.831	1.081.035.918.581	90.286.585.895	2.418.877.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(578.988.447.666)	-	(578.988.447.666)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	-	-	-	(13.515.760.000)	-	(13.515.760.000)
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	121838960000	-	-	-	-	(121838960000)	-	-
Cổ phiếu thưởng ESOP 2021	5.000.000.000	-	-	-	-	(5.000.000.000)	-	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	-	(30.461.470.500)	-	(30.461.470.500)
Phân loại lại do chuyển từ công ty Con sang công ty Liên kết	-	-	(682.710.000)	-	(11.687.557.011)	12.370.267.011	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(72.842.636.075)	(72.842.636.075)
Số dư tại ngày 31/12/2022	736.785.870.000	253.132.567.160	-	(717.500.000)	372.822.448.820	343.601.547.426	17.443.949.820	1.723.068.883.226

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
	31/12/2022	31/12/2022	31/12/2022	31/12/2022		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	711.685.571.204	-	728.805.703.430	-	711.685.571.204	728.805.703.430
Phải thu khách hàng	2.725.784.563.964	(70.819.808.935)	2.493.909.956.704	(62.958.170.507)	2.654.964.755.029	2.430.951.786.197
Phải thu khác	56.505.534.052	-	59.291.222.105	-	56.505.534.052	59.291.222.105
Tiền và các khoản tương đương tiền	813.933.205.557	-	624.568.484.588	-	813.933.205.557	624.568.484.588
TỔNG CỘNG	4.314.908.874.777	(70.819.808.935)	3.906.575.366.827	(62.958.170.507)	4.244.089.065.842	3.843.617.196.320
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	3.575.472.230.996	-	3.605.095.337.638	-	3.575.472.230.996	3.605.095.337.638
Phải trả người bán	2.676.424.687.402	-	2.122.819.701.669	-	2.676.424.687.402	2.122.819.701.669
Chi phí phải trả	27.057.428.093	-	134.967.986.429	-	27.057.428.093	134.967.986.429
Phải trả khác	148.792.418.537	-	327.813.300.562	-	148.792.418.537	327.813.300.562
TỔNG CỘNG	6.427.746.765.028	-	6.190.696.326.298	-	6.427.746.765.028	6.190.696.326.298

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP.HCM	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	17.397.084.839.767	14.780.414.131	17.178.383.392.840	762.425.496.903	35.352.674.143.641	(12.171.094.324.925)	23.181.579.818.716
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	12.443.572.634.007	14.780.414.131	10.038.475.930.765	684.750.839.813	23.181.579.818.716	-	23.181.579.818.716
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	4.953.512.205.760	-	7.139.907.462.075	77.674.657.090	12.171.094.324.925	12.171.094.324.925	-
2. Tổng chi phí	17.407.585.560.884	17.401.761.527	17.529.139.239.639	818.633.564.798	35.772.760.126.848	(12.220.337.303.400)	23.552.422.823.448
Giá vốn	17.236.378.590.120	14.634.559.034	17.374.648.766.729	807.701.432.242	35.433.363.348.125	(12.214.159.727.803)	23.219.203.620.322
Giá vốn từ bán hàng	12.273.877.249.825	14.634.559.034	10.202.705.982.767	727.985.828.696	23.219.203.620.322	-	23.219.203.620.322
Giá vốn từ bán hàng cho bộ phận khác	4.962.501.340.295	-	7.171.942.783.962	79.715.603.546	12.214.159.727.803	12.214.159.727.803	-
Chi phí chung	171.206.970.764	2.767.202.493	154.490.472.910	10.932.132.556	339.396.778.723	(6.177.575.597)	333.219.203.126
3. Lợi nhuận tài chính	(30.061.350.425)	342.014.834	(90.352.201.076)	(7.627.075.660)	(127.698.612.327)	(122.551.450.118)	(250.250.062.445)
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	11.572.977.874	679.000.000	13.766.794.778	386.274.486	26.405.047.138	3.758.512.269	30.163.559.507
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	(28.989.093.668)	(1.600.332.562)	(427.341.253.097)	(63.448.869.069)	(11.930.005.187.604)	(3.600.911.231.774)	(590.929.507.670)
6. Tài sản bộ phận	7.265.845.101.624	84.768.710.140	4.366.505.649.670	212.885.726.170	12.726.537.231	1.760.625.611	8.329.093.955.830
Trong đó, tài sản không phân bổ	5.963.656.541	2.621.963.489	4.140.917.201	-	12.726.537.231	-	14.487.162.842
7. Nợ phải trả bộ phận							
8. Nợ phải trả không phân bổ							
7. Nợ phải trả bộ phận	5.466.912.732.631	46.224.329.172	3.202.564.144.886	177.876.758.894	8.893.577.965.583	(2.287.552.892.979)	6.606.025.072.604
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	41.770.212.425	-	41.770.212.425

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

X.4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đà Nẵng. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Chỉ tiêu	TP.HCM	Bình Dương	Bà Rịa - Vũng Tàu	Đà Nẵng	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
1. Doanh thu thuần	15.526.396.299.553	70.500.000	16.579.596.667.138	806.389.502.998	32.912.452.969.689	(11.597.437.492.428)	21.315.015.477.261
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	10.014.107.907.188	-	10.602.478.577.472	698.428.992.601	21.315.015.477.261	-	21.315.015.477.261
Doanh thu thuần từ bán hàng cho bộ phận khác	5.512.288.392.365	70.500.000	5.977.118.089.666	107.960.510.397	11.597.437.492.428	(11.597.437.492.428)	-
2. Tổng chi phí	15.028.651.697.303	5.282.049.447	15.960.661.618.871	751.395.379.979	31.745.990.745.600	(11.565.063.339.421)	20.180.927.406.179
Giá vốn	14.854.967.107.089	-	15.803.003.398.033	738.897.630.538	31.396.868.135.660	(11.562.206.369.097)	19.834.661.766.563
Giá vốn từ bán hàng	9.354.020.407.259	-	9.851.115.358.559	629.526.000.745	19.834.661.766.563	-	19.834.661.766.563
Giá vốn từ bán hàng cho bộ phận khác	5.500.946.699.830	-	5.951.888.039.474	109.371.629.793	11.562.206.369.097	(11.562.206.369.097)	-
Chi phí chung	173.684.590.214	5.282.049.447	157.658.220.838	12.497.749.441	349.122.609.940	(2.856.970.324)	346.265.639.616
3. Lợi nhuận tài chính	61.760.907.586	300.760.987	(34.044.498.727)	(2.541.051.312)	25.476.018.534	(99.312.042.998)	(73.836.024.464)
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	2.439.447.798	395.682.918	(1.130.636.238)	141.795.608	1.846.290.086	37.690.577.271	39.536.867.357
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	561.944.857.634	(4.515.105.542)	(583.759.913.302)	52.594.867.315	1.193.784.532.709	(93.995.618.734)	1.099.788.913.975
6. Tài sản bộ phận	6.029.604.477.449	86.157.129.523	4.734.345.938.824	236.702.501.394	11.086.810.047.190	(2.081.031.135.845)	9.005.778.911.345
Trong đó, tài sản không phân bổ	4.777.080.017	2.621.963.489	4.315.327.828	-	11.714.371.334	11.023.431.153	22.737.802.487
7. Nợ phải trả bộ phận							
8. Nợ phải trả không phân bổ							
7. Nợ phải trả bộ phận	4.107.470.387.188	46.012.415.993	3.154.330.799.042	137.891.515.863	7.445.705.116.086	(858.803.404.208)	6.586.901.713.878
Trong đó, nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	4.452.370.063	-	4.452.370.063